

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ**
- 2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành đào tạo: Bất động sản; Kế toán; Luật kinh tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Tài chính ngân hàng.**
- 5. Phân bổ thời gian: Số giờ lý thuyết trên lớp: 45 tiết**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa kinh tế luật**
- 7. Mô tả học phần**

- Môn học này nghiên cứu hành vi của các chủ thể kinh tế trong thị trường đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm. Môn học tập trung vào động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh.
- Nội dung môn học này gồm có năm phần chính. Trong phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường. Ngoài ra, các hoạt động về thặng của người tiêu dùng, thặng dư của nhà sản xuất sẽ được dùng để phân tích những tác động của các biện pháp kiểm soát giá cả và các chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ.
- Phần thứ hai của môn học là nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hóa hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường.
- Phần thứ ba là nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết về chi phí và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận. Cuối cùng là xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh.
- Phần thứ tư của môn học sẽ là trình bày các mô hình về Độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.
- Phần thứ năm nghiên cứu về thị trường yếu tố sản xuất.

### 8. Mục tiêu học phần:

Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Việc ứng dụng các lý thuyết và mô hình luôn được quan tâm đúng mức trong suốt môn học. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

- Hiểu các vấn đề kinh tế mà xã hội đang phải đối mặt
- Hiểu cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó
- Phân tích tính hiệu quả của thị trường
- Hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau.

- Ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tiễn
- Môn học cũng trang bị một vài kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các môn học khác.

## 9. Nội dung học phần:

Số tiết	Nội dung giảng dạy	Chuẩn bị của SV
5 tiết	<b>Chương 1. Nhập môn về kinh tế học</b> - Khái niệm về Kinh tế học, Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và các mô hình kinh tế, Đường giới hạn khả năng sản xuất, Sơ đồ chu chuyển của hoạt động kinh tế.	
5 tiết	<b>Chương 2. Cung, cầu và cân bằng thị trường</b> - Cầu, Cung, Trạng thái cân bằng của thị trường, Sự thay đổi của trạng thái cân bằng thị trường, Độ co giãn của cầu và độ co giãn của cung, Vận dụng cung cầu.	
5 tiết	<b>Chương 3. Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng</b> - Tổng thỏa dụng thỏa dụng biên. Quy luật thỏa dụng biên giảm dần, Đường đẳng ích ( thể hiện sở thích của người tiêu dùng), Đường ngân sách (thể hiện khả năng của người tiêu dùng), Lựa chọn phối hợp tối ưu, Xây dựng Đường cầu thị trường, Đường thu nhập – tiêu dùng và đường Engel, Tác động thay thế và tác động thu nhập. Hàng hóa thông thường, hàng cấp thấp và hàng Giffen.	
5 tiết	<b>Chương 4. Lý thuyết sản xuất</b> - Hàm số sản xuất, Sản xuất với một đầu vào biến đổi - Sản xuất với hai đầu biến đổi	
5 tiết	<b>Chương 5. Lý thuyết về chi phí</b> - Chi phí kế toán, Chi phí cơ hội, Chi phí kinh tế, Chi phí phát hiện, Chi phí ẩn, Các chỉ tiêu chi phí ngắn hạn, Các chỉ tiêu chi phí dài hạn, Mối quan hệ giữa chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn, Tính kinh tế theo quy mô.	
5 tiết	<b>Chương 6. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</b> - Các đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, Phân tích ngắn hạn, Phân tích dài hạn, Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo.	
5 tiết	<b>Chương 7. Thị trường độc quyền</b> - Những lý do tồn tại độc quyền, Hoạt động của doanh nghiệp độc quyền, Nguyên tắc phân bổ sản lượng khi doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất, Nguyên tắc phân bổ số lượng hàng bán của doanh nghiệp trước nhiều thị trường (phân biệt giá cấp 3), Kiểm soát độc quyền.	
5 tiết	<b>Chương 8. Thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm</b> - Thị trường cạnh tranh độc quyền, giới thiệu sơ lược về lý thuyết trò chơi. Cân bằng Nash và cân bằng của chiến lược ưu thế, Thị trường độc quyền nhóm.	

Số tiết	Nội dung giảng dạy	Chuẩn bị của SV
5 tiết	<b>Chương 9. Thị trường các yếu tố sản xuất</b> - Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh, Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền mua, Thị trường yếu tố sản xuất với sức mạnh độc quyền bán.	
<b>Tổng cộng</b>		<b>45 tiết</b>

## 10. Phần tài liệu tham khảo:

### ➤ Tài liệu học tập chính:

- Ngô Đình Giao (2011), *Kinh tế học Vi mô* - Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
- Vũ Việt Hằng, Đoàn Thị Mỹ Hạnh (2006), *Kinh tế học Vi mô*, NXB Giáo dục.
- Phí Mạnh Hồng (2010), *Giáo trình kinh tế Vi mô*, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.

### ➤ Tài liệu tham khảo bổ sung:

- Vũ Kim Dũng, 2007. *Giáo trình nguyên lý Kinh tế học vi mô*. NXB Lao động – Xã hội.
- Vũ Việt Hằng, Đoàn Thị Mỹ Hạnh (2009), *Tóm tắt và bài tập Kinh tế học Vi mô*, NXB Giáo dục.
- David Begg (2012), *Kinh tế học Vi mô*, NXB Thống kê.
- David Begg (2012), *Bài tập Kinh tế học Vi mô*, NXB Thống kê.

## 11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thi giữa kỳ). Sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ.
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

12. Tên học phần: **KINH TẾ VĨ MÔ**

13. Số tín chỉ: **03 tín chỉ**

14. Hệ đào tạo: **Đại học chính quy.**

15. Ngành Đào tạo: **Bất động sản; Kế toán; Luật kinh tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Tài chính ngân hàng.**

16. Phân bổ thời gian: **Số giờ lý thuyết trên lớp: 45 tiết**

17. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): **Khoa kinh tế luật**

18. Mô tả học phần:

- Môn học này trước hết giới thiệu vai trò của hệ thống trong quá trình chuyển dịch từ tiết kiệm qua chi tiêu đầu tư, qua đó nhận ra vai trò tổng cầu trong việc quyết định sản lượng. Về phía cầu, môn học sẽ thảo luận một số giả thuyết về nguyên nhân của hiện tượng chu kỳ kinh tế.
- Tiếp theo là giới thiệu tổng cung với các giả định khác nhau về giá và tiền lương. Thông qua mô hình tổng cung tổng cầu, môn học sẽ thảo luận 1 cách chi tiết hơn về sự biến động của sản lượng, giá cả, về chính sách ổn định hóa và cuối cùng là thảo luận về sự cạnh tranh của lý thuyết Keynes và cổ điển và các xu hướng gần đây như một tóm tắt của bức tranh lý thuyết kinh tế vĩ mô.

19. Mục tiêu học phần

- Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản mà nó cần thiết cho sinh viên trong suy nghĩ một cách hệ thống về những vấn đề kinh tế vĩ mô.
- Môn học cũng trang bị một vài kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các môn học khác.

20. Nội dung học phần:

Số tiết	Nội dung giảng dạy	Chuẩn bị của SV
4 tiết	<b>Chương 1. Giới thiệu bức tranh tổng thể về kinh tế vĩ mô</b> - Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô - Bức tranh tổng thể kinh tế vĩ mô - Hạch toán thu nhập quốc gia	
4 tiết	<b>Chương 2. Tiết kiệm, chi tiêu đầu tư và hệ thống tài chính</b> - Một số định nghĩa - Đồng nhất thức giữa tiết kiệm và đầu tư	

Số tiết	Nội dung giảng dạy	Chuẩn bị của SV
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị trường quỹ cho vay</li> <li>- Tiết kiệm, chi tiêu đầu tư và chính sách tài khóa chính phủ</li> <li>- Hệ thống tài chính</li> <li>- Những biến động tài chính</li> <li>- Mối quan hệ giữa thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 3. Sản lượng và tổng cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bộ phận của tổng cầu</li> <li>- Sản lượng cân bằng</li> <li>- Số nhân</li> <li>- Nghịch lý tiết kiệm</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 4. Tổng cung và tổng cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng cung</li> <li>- Tổng cầu</li> <li>- Cân bằng kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn</li> <li>- Cân bằng kinh tế vĩ mô trong dài hạn</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 5. Chính sách tài khóa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách tài khóa: một số định nghĩa</li> <li>- Chính sách tài khóa và tác động số nhân</li> <li>- Ngân sách chính phủ</li> <li>- Các công cụ tự ổn định và chính sách tài khóa trong thực tế</li> <li>- Vấn đề chính sách tài khóa trong dài hạn</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 6. Tiền và hệ thống ngân hàng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chất của tiền</li> <li>- Vai trò của ngân hàng thương mại đối với tiền</li> <li>- Cơ sở tiền và số nhân tiền</li> <li>- Ngân hàng nhà nước Việt Nam</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 7. Chính sách tiền tệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầu tiền</li> <li>- Tiền và lãi suất</li> <li>- Chính sách tiền tệ và tổng cầu</li> <li>- Tiền, sản lượng và giá trong dài hạn</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 8. Thị trường lao động, thất nghiệp và lạm phát</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị trường lao động</li> <li>- Phân tích thất nghiệp</li> <li>- Tại sao thị trường lao động không cân bằng liên tục?</li> <li>Thất nghiệp và lạm phát</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 9. Lạm phát và giảm phát</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền và lạm phát</li> <li>- Tác động của lạm phát</li> <li>- Chi phí lạm phát</li> <li>- Giảm phát</li> </ul>	
4 tiết	<p><b>Chương 10. Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luồng vốn quốc tế và cán cân thanh toán</li> <li>- Vai trò của tỷ giá hối đoái</li> <li>- Chính sách kinh tế vĩ mô dưới chế độ tỷ giá cố định</li> <li>Chính sách kinh tế vĩ mô dưới chế độ tỷ giá thả nổi</li> </ul>	

Số tiết	Nội dung giảng dạy	Chuẩn bị của SV
5 tiết	<b>Chương 11. Tăng trưởng trong dài hạn</b> - Tăng trưởng kinh tế và đo lường tăng trưởng kinh tế - Bức tranh tăng trưởng toàn cầu - Nguồn của tăng trưởng - Tăng trưởng và nguồn lực tự nhiên - Hạch toán tăng trưởng - Tại sao có sự khác nhau về tăng trưởng - Tăng trưởng kinh tế: Thành công, thất vọng và thất bại	
<b>Tổng cộng</b>		<b>45 tiết</b>

## 21. Phần tài liệu tham khảo:

### ➤ Tài liệu học tập chính:

- Vũ Đình Bách (2010), *Kinh tế học Vĩ mô* - Giáo trình dùng trong các trường Đại học, cao đẳng khối kinh tế. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Như Ý và Trần Thị Bích Dung (2014), *Kinh tế Vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Tri Khiêm (2015), *Giáo trình Kinh tế Vĩ mô* – Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

## 22. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thi giữa kỳ). Sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ.
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: trắc nghiệm).

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

2. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

3. Hệ đào tạo, bậc đào tạo: Đại học chính quy.

4. Ngành đào tạo: Bất động sản; Kế toán; Luật kinh tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị doanh nghiệp; Tài chính ngân hàng.

5. Phân bổ thời gian: Số giờ lý thuyết trên lớp: 45 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa kinh tế luật

7. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán như: bản chất, nguyên tắc của kế toán, hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán tổ chức công tác và bộ máy kế toán.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toán, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp và kế toán công, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đồng thời định hướng được quan hệ giữa kế toán với quản lý trên các lĩnh vực thuộc ngành đào tạo của mình.
- Giúp người học nắm khái quát được chế độ kế toán Việt Nam bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý của Việt Nam định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực chuyên ngành đào tạo của mình.

9. Nội dung học phần

Số tiết	Nội dung giảng dạy	SV chuẩn bị
5 tiết	<b>Đối tượng, phương pháp và các nguyên tắc kế toán</b> - Định nghĩa và phân loại kế toán, Lịch sử kế toán, Đối tượng của kế toán, Các phương pháp kế toán, Môi trường kế toán, Nguyên tắc và yêu cầu kế toán, Đạo đức nghề nghiệp.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Báo cáo tài chính</b> - Bảng cân đối kế toán. - Bảng kết quả hoạt động kinh doanh.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Tài khoản và kế toán kép</b> - Tài khoản. - Kế toán kép.	<i>Bài tập</i>

5 tiết	<b>Tính giá các đối tượng kế toán</b> - Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán. - Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá các đối tượng kế toán. - Tính giá một số đối tượng chủ yếu.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Chứng từ kế toán và kiểm kê</b> - Chứng từ kế toán. - Kiểm kê.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp</b> - Kế toán quá trình cung cấp, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh, hoạt động mua bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Sổ kế toán, kỹ thuật ghi sổ và các hình thức kế toán</b> - Sổ kế toán, Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán, các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Tổ chức công tác kế toán, tự kiểm tra kế toán</b> - Tổ chức công tác kế toán. - Tổ chức công tác tự kiểm tra kế toán.	<i>Bài tập</i>
5 tiết	<b>Giải bài tập và ôn tập</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>45 tiết</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

- Võ Văn Nhị (2010), *Nguyên lý kế toán*, Nxb Giao thông vận tải, TP.HCM.
- Trần Đình Phụng – Chủ biên (2012), *Nguyên lý kế toán*, Nxb Phương Đông, TP.HCM
- Phan Thanh Liêm (2012), *Giáo trình nguyên lý kế toán Mỹ*, Nxb Phương Đông

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần.

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Thi giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận).



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: Quản trị học**
- Số tín chỉ: 3**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Quản trị du lịch, Bất động sản, Tài chính ngân hàng, Quan hệ công chúng, Luật kinh tế.**
- Phân bổ thời gian: 3LT**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Quản trị**
- Mô tả học phần: Mô tả học phần:** Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng, mục đích nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần còn đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.  
Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô
- Mục tiêu của học phần:** Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức
- Nội dung học phần**
  - Phần 1: Đại cương về quản trị**
    - Chương 1: Nhà quản trị và công việc quản trị**
      - 1.1 Quản trị là gì?
      - 1.2. Các chức năng của công tác quản trị
      - 1.3. Nhà quản trị và vai trò trong tổ chức
      - 1.4. Các chức năng của nhà quản trị
      - 1.5. Ra quyết định quản trị
    - Chương 2: Sự phát triển của tư tưởng quản trị**
      - 2.1. Bối cảnh lịch sử
      - 2.2. Nhóm học thuyết quản trị cổ điển
      - 2.3. Nhóm học thuyết tâm lý xã hội và hành vi (tác phong)
      - 2.4. Trường phái định lượng trong quản trị
      - 2.5. Trường phái hội nhập trong quản trị
    - Chương 3: Môi trường kinh doanh và văn hóa của tổ chức**
      - 3.1. Môi trường tác động đến công tác quản trị
      - 3.2. Môi trường bên ngoài
      - 3.3. Môi trường bên trong
      - 3.4. Văn hóa của tổ chức
    - Chương 4: Những cơ sở để ra quyết định**
      - 4.1. Những vấn đề chung về quyết định quản trị
      - 4.2. Quy trình ra quyết định
      - 4.3. Các kiểu quyết định
      - 4.4. Những phẩm chất cá nhân cần thiết cho việc ra quyết định
  - Phần II: Chức năng của quản trị**

## **Chương 5: Công tác hoạch định**

### 5.1 Những cơ sở của hoạch định

Khái niệm. Mục tiêu: yếu tố nền tảng của hoạch định – quản lý theo mục tiêu (MBO). Mối quan hệ giữa hoạch định – chiến lược và sự thay đổi

### 5.2 Hoạch định chiến lược

Định nghĩa và các loại chiến lược. Tiến trình hoạch định chiến lược và công cụ SWOT

### 5.3 Hoạch định tác nghiệp

Định nghĩa và phân loại kế hoạch tác nghiệp. Tiến trình hoạch định tác nghiệp

## **Chương 6: Công tác tổ chức**

Khái niệm. Tiến trình xây dựng cơ cấu tổ chức. Các dạng cấu trúc tổ chức. Phân chia và thiết lập mối qhệ quyền hạn trong cơ cấu tổ chức. Các cấp bậc quản trị và công tác tổ chức

## **Chương 7: Công tác điều khiển**

Khái niệm. Lãnh đạo và phong cách ra quyết định. Động viên. Thông tin quản trị. Công tác điều khiển trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực

## **Chương 8. Công tác kiểm soát**

Khái niệm. Tiến trình kiểm soát và một số yêu cầu đối với việc xây dựng cơ chế kiểm soát. Tổng quan về một số loại hình và công cụ kiểm soát.

## **10. Tài liệu học tập**

### **Sách, giáo trình chính**

Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dũng, Lê Quang Khôi Quản trị học NXB Lao Động, 2011

### **Sách tham khảo**

- Harold Koontz – Cyril Odonnell – Heinz Weihrich **Những vấn đề cốt yếu của quản lý.** NXB Khoa học và kỹ thuật – Hà Nội – 1999.
- Nguyễn Thanh Hội – TS. Phan Thăng Quản trị học NXB Thống Kê – Hà Nội – 2001
- Viện nc và đt về quản lý Nghệ thuật và pp lãnh đạo dnghiep NXB LĐXH – Hà Nội – 2004.
- Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý Tinh hoa quản lýNXB LĐXH – Hà Nội – 2003.

## **11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

- Chuyên cần 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường cuyên: 30% (Thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (1&2)
- Số tín chỉ:** 5 TC
- Ngành:** Luật Kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc học:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** 75 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Không*

Ngoài Bài nhập môn, môn học có 12 chuyên đề, cơ cấu thành 12 bài; trang bị những kiến thức quan trọng về sự hình thành nhà nước, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước trong lịch sử; xác định được vai trò, vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị; nắm được khái quát về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Trang bị khá nhiều kiến thức chung về pháp luật. Người học sẽ có được cái nhìn toàn cảnh các vấn đề lý luận về pháp luật. Qua đó, nắm được nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật nhằm phân biệt được pháp luật với các hiện tượng khác. Đặc biệt, phần này giới thiệu và phân tích sâu sắc các chế định pháp luật về: *hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, áp dụng pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý,...*

### 9. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được hệ thống các kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành.

Đây là một trong những điều kiện có tính tiên quyết làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học sau, đặc biệt là các học phần về Luật.

### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Bài nhập môn</b>	01	01	0
1. Vị trí của môn học trong hệ thống khoa học xã hội và khoa học pháp lý 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa và yêu cầu của môn học			
<b>Bài 2. Nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật</b>	04	03	01
1. Nguồn gốc của Nhà nước 1.1. Một số học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước 1.2. Học thuyết Mac- Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.3. Khái niệm nhà nước – vị trí của Nhà nước trong Hệ thống chính trị			

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
2. Nguồn gốc của Pháp luật 2.1. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật 2.2. Con đường hình thành pháp luật 2.3. Khái niệm pháp luật - Mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng khác			
<b>Bài 3. Bản chất, đặc điểm của Nhà nước và pháp luật</b>	04	03	01
1. Bản chất, đặc điểm của Nhà nước 1.1. Bản chất của nhà nước 1.2. Đặc trưng cơ bản của nhà nước 2. Bản chất, đặc điểm của Pháp luật 2.1. Bản chất của pháp luật 2.2. Đặc điểm của pháp luật			
<b>Bài 4. Kiểu Nhà nước và pháp luật</b>	04	03	01
1. Kiểu nhà nước 1.1. Khái niệm Kiểu nhà nước 1.2. Sự thay thế Kiểu nhà nước 1.3. Các kiểu nhà nước trong lịch sử 2. Kiểu pháp luật 2.1. Khái niệm kiểu pháp luật 2.2. Sự thay thế các kiểu pháp luật 2.3. Các kiểu pháp luật trong lịch sử			

<b>Bài 5. Hình thức Nhà nước và hình thức pháp luật</b>	04	03	01
1. Hình thức của nhà nước 1.1. Khái niệm 1.2. Các yếu tố tạo nên hình thức NN 1.3. Hình thức NN tồn tại trong các kiểu nhà nước 2. Hình thức của pháp luật 2.1. Khái niệm 2.2. Các hình thức pháp luật cơ bản			
<b>Bài 6. Nhà nước CHXHCN Việt Nam</b>	04	03	01
1. Bản chất, hình thức, kiểu nhà nước CHXHCN Việt Nam 2. Chức năng của nhà nước CHXHCN Việt Nam 3. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam			
<b>Bài 7. Hệ thống pháp luật</b>	04	03	01
1. Khái niệm Hệ thống pháp luật 2. Cấu trúc của hệ thống pháp luật 3. Các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật 4. Hệ thống hóa pháp luật 5. Các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới			
<b>Bài 8. Quy phạm pháp luật</b>	04	03	01
1. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật 2. Phân loại các quy phạm pháp luật 3. Các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật			
<b>Bài 9. Quan hệ pháp luật</b>	04	03	01
1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ PL 2. Thành phần (cấu trúc) của 1 quan hệ pháp luật 3. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật			
<b>Bài 10. Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật</b>	04	03	01
1. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật			

2. Áp dụng pháp luật 3. Mối quan hệ giữa THPL với ADPL và các hình thức THPL khác			
<b>Bài 11. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</b>	04	03	01
1. Vi phạm pháp luật 2. Trách nhiệm pháp lý 3. Mối quan hệ giữa Vi phạm pháp luật với Trách nhiệm pháp lý			
<b>Bài 12. Ý thức pháp luật, pháp chế XHCN và Cơ chế điều chỉnh pháp luật</b>	04	03	01
1. Ý thức pháp luật 2. Pháp chế XHCN 3. Cơ chế Điều chỉnh pháp luật			
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>35</b>	<b>10</b>

### **11. Phần tài liệu tham khảo**

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Tư pháp.

### **12. Phương pháp đánh giá học phần.**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra thường xuyên: 30% (Kiểm tra tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận hoặc trắc nghiệm)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **Tên học phần:** Luật Hiến pháp Việt Nam
2. **Số tín chỉ:** 03 TC
3. **Ngành học:** Luật kinh tế
4. **Hệ đào tạo:** Chính quy
5. **Bậc đào tạo:** Đại học
6. **Phân bổ thời gian:** 37 tiết lý thuyết, 08 tiết thực hành
7. **Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
8. **Mô tả học phần:**

Môn học gồm 9 chương, trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật hiến pháp. Những nội dung chính: Ngành luật hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước CHXHCN Việt Nam; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: quốc hội, chính phủ, Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án và Viện kiểm sát.

**9. Mục tiêu học phần:**

Trang bị kiến thức về bộ máy nhà nước, về địa vị pháp lý của công dân và một số chế định pháp luật khác (bầu cử, quốc tịch).

**10. Nội dung học phần**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ Thực hành
<b>Chương 1: Khái quát chung về Luật hiến pháp</b> - Ngành luật HP Khoa học luật HP HP và Lịch sử lập hiến	04	04	0
<b>Chương 2: Chế độ chính trị và chế độ kinh tế</b> - Chế độ chính trị Chế độ kinh tế	04	03	01
<b>Chương 3: Chế độ bầu cử</b> - Khái niệm chế độ bầu cử - Sự phát triển của pháp luật bầu cử - Các nguyên tắc bầu cử - Nội dung cơ bản của pháp luật bầu cử hiện hành	04	03	01
<b>Chương 4: Quốc tịch Việt Nam</b> - Khái niệm Quốc tịch - Nội dung cơ bản của pháp luật về Quốc tịch Việt Nam hiện hành	04	03	0
<b>Chương 5: Quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân</b> - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	04	03	0
<b>Chương 6: Bộ máy Nhà nước</b> - Chính thể Nhà nước - Tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam	05	04	01
<b>Chương 7: Quốc hội</b> - Khái quát chung về chế định Quốc hội - Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội	04	03	01
<b>Chương 8: Chủ tịch nước</b> - Khái quát chung về chế định Chủ tịch nước - Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước	04	03	01
<b>Chương 9: Chính phủ</b> - Khái quát chung về chế định Chính phủ - Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ	04	03	01

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/Thực hành
<b>Chương 10: HĐND và UBND</b> - Hội đồng nhân dân - Ủy Ban nhân dân	04	03	01
<b>Chương 11: Tòa án và viện kiểm sát</b> - Hệ thống tòa án - Hệ thống Viện kiểm sát	04	03	01
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>37</b>	<b>08</b>

### 11. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Dung (2006), *Giáo trình luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội
2. Nguyễn Mạnh Hùng – Lưu Đức Quang – Nguyễn Văn Trí (2014), *Xây dựng và bảo vệ Hiến pháp* – Nxb Hồng Đức, TP.HCM
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
4. Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014.
5. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.
6. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014.
7. Luật tổ chức Chính phủ năm 2014.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

### 12. Phương pháp đánh giá học phần

- Điểm chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/báo cáo)
- Thi kết thúc môn: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- 1. Tên học phần: Lịch sử Nhà nước và pháp luật**
- 2. Số tín chỉ: 03 TC**
- 3. Ngành học: Luật kinh tế**
- 4. Hệ đào tạo: Chính quy**
- 5. Bậc học: Đại học**
- 6. Phân bổ thời gian: 30 tiết lý thuyết; 15 tiết thực hành**
- 7. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật kinh tế**
- 8. Mô tả học phần**

Nội dung môn học được chia thành hai phần:

**Phần 1: Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới**, bao gồm 4 Chương:

- Chương 1: Nhà nước và pháp luật thời kỳ cổ đại
- Chương 2: Nhà nước và pháp luật thời kỳ phong kiến
- Chương 3: Nhà nước và pháp luật thời kỳ Tư sản
- Chương 4: Nhà nước và pháp luật thời kỳ Xã hội chủ nghĩa

**Phần 2: Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam**, bao gồm 4 Chương:

- Chương 5: Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành.
- Chương 6: Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc.
- Chương 7: Nhà nước Việt Nam thời Phong kiến giai đoạn độc lập tự chủ (từ 939-1884).
- Chương 8: Pháp luật Việt Nam thời Phong kiến giai đoạn độc lập tự chủ (từ 939 – 1884).

**9. Mục tiêu học phần**

▪ **Về kiến thức**

Có được những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, tổ chức bộ máy nhà nước qua các giai đoạn lịch sử trên thế giới và Việt Nam. Nắm được nội dung cơ bản của pháp luật qua các giai đoạn lịch sử (hoặc các kiểu pháp luật) ở Việt Nam và trên thế giới.

▪ **Về kỹ năng**

Sinh viên có khả năng lập luận và đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm kế thừa những nhân tố tích cực, khắc phục những yếu tố tiêu cực thuộc về di sản văn hoá pháp lý Việt Nam và thế giới trong việc xây dựng Nhà nước và pháp luật.

▪ **Về thái độ**

Sinh viên có thái độ trân trọng, giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị về văn hóa chính trị, pháp lý. Sinh viên biết phê phán yếu tố tiêu cực trong quá trình phát triển của lịch sử Nhà nước và pháp luật, đồng thời có ý thức phát huy ưu điểm, khắc phục những nhược điểm của hệ thống Nhà nước và pháp luật trong quá khứ.

**10. Nội dung học phần**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Phần I. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới</b>	<b>22</b>	<b>15</b>	<b>7</b>
<b>Chương I: Nhà nước và pháp luật thời kỳ cổ đại.</b> Bài 1: Nhà nước và pháp luật phương Đông cổ đại 1.Sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ ở Phương Đông cổ đại 2. Pháp luật phương Đông cổ đại Bài 2: Nhà nước và pháp luật phương Tây cổ đại	4	3	1



<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
1. Sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ ở phương Tây cổ đại 2. Pháp luật phương Tây cổ đại			
<b>Chương II: Nhà nước và pháp luật thời phong kiến</b> Bài 3: Nhà nước và pháp luật phong kiến Tây Âu 1. Sự hình thành nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước 2. Pháp luật phong kiến Tây Âu Bài 4: Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Đông 1. Sự hình thành nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước 2. Pháp luật phong kiến Tây Âu	6	4	2
<b>Chương III: Nhà nước và pháp luật Tư sản</b> Bài 5: Nhà nước Tư sản Bài 6: Pháp luật Tư sản 1. Một số vấn đề cơ bản về pháp luật 2. Nhận xét pháp luật	6	4	2
<b>Chương IV: Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa</b> Bài 7: Nhà nước Xã hội chủ nghĩa Bài 8: Pháp luật Xã hội chủ nghĩa	6	4	2
<b>Phần II. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam</b>	23	<b>15</b>	8
<b>Chương V: Nhà nước và pháp luật VN giai đoạn hình thành</b> I. Sự hình thành Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam II. Pháp luật Việt Nam giai đoạn hình thành	5	3	2
<b>Chương VI: Nhà nước và pháp luật VN thời Bắc thuộc</b> I. Nhà nước Việt Nam thời Bắc thuộc II. Pháp luật Việt Nam thời Bắc thuộc	6	4	2
<b>Chương VII: Nhà nước thời phong kiến Việt Nam</b> I. Nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009) II. Nhà nước thời Lý – Trần – Hồ ( 1010 – 1407) III. Nhà nước thời Lê sơ (1428 – 1527) IV. Nhà nước thời nội chiến V. Nhà nước thời Nguyễn (1802 – 1884)	6	4	2
<b>Chương VIII: Pháp luật thời phong kiến Việt Nam giai đoạn độc lập, tự chủ</b> I. Pháp luật các giai đoạn trước thời Lê sơ II. Pháp luật thời Lê sơ III. Pháp luật thời Nguyễn	6	4	2
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

### 11. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Thương Huyền – Chủ biên (2015), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Hồng Đức
- Nguyễn Cảnh Hợp – Đỗ Minh Khôi - Chủ biên (2015), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới* – Nxb Hồng Đức

### 12. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu)
- Điểm giữa kỳ 30% (kiểm tra tự luận)
- Thi cuối kỳ cuối kỳ 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kỹ thuật xây dựng văn bản

2. Số tín chỉ: 2 TC

3. Ngành học: Luật kinh tế

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Bậc đào tạo: Đại học

6. Phân bổ thời gian: 30 tiết - lý thuyết (22 tiết); Thực hành (8 tiết)

7. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.

8. Mô tả học phần:

*Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính*

Nội dung học phần bao gồm 3 chương: Chương 1: Giới thiệu khái quát về văn bản; Chương 2: Nêu lên những yêu cầu cơ bản trong nghiệp vụ Xây dựng văn bản; Chương 3: Đây là nội dung chính của học phần – giúp người học nắm được lý thuyết và thực hành soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng cũng như một số đơn từ thường gặp..

9. Mục tiêu học phần:

Đây là một học phần cần có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành nên đòi hỏi sv phải biết vận dụng kiến thức của môn học để soạn thảo được các loại văn bản hành chính thông dụng; xây dựng được kỹ năng làm việc trong thực tiễn cuộc sống, công tác.

10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ Thực hành
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về văn bản.</b> 1. Khái niệm, chức năng và vai trò của văn bản 2. Phân biệt văn bản quy phạm pháp luật với văn bản hành chính 3. Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật	04	04	0
<b>Chương 2: Những yêu cầu cơ bản trong nghiệp vụ xd văn bản.</b> 1. Yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản 2. Yêu cầu về phong cách, ngôn ngữ 3. Yêu cầu về thể thức trình bày văn bản 4. Quy trình xây dựng văn bản	04	04	0
<b>Chương 3: Kỹ thuật xd một số văn bản hành chính thông dụng.</b> 1. Kỹ thuật xây dựng Nghị quyết 2. Kỹ thuật xây dựng Quyết định 3. Kỹ thuật xây dựng Chỉ thị	22	14	08

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ Thực hành
4. Kỹ thuật xây dựng Công văn 5. Kỹ thuật xây dựng Báo cáo 6. Kỹ thuật viết Biên bản 7. Kỹ thuật xây dựng Tờ trình 8. Hướng soạn thảo một số Đơn từ thường gặp			
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>8</b>

**10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Cảnh Hợp, 2015. *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*. Nxb Hồng Đức
2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
3. Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

**11. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Luật học so sánh
- 2. Số tín chỉ:** 02 TC
- 3. Ngành học:** Luật kinh tế
- 4. Hệ đào tạo:** Chính quy
- 5. Bậc đào tạo:** Đại học
- 6. Phân bổ thời gian:** 30 tiết 20 tiết lý thuyết; 10 tiết thực hành
- 7. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật kinh tế
- 8. Mô tả học phần**

Lý luận cơ bản về luật học so sánh, các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới: hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, hệ thống pháp luật Anh-Mỹ, hệ thống pháp luật của một số nước Hồi giáo và của một số nước chịu ảnh hưởng của tôn giáo; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật một số nước châu Á.

Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế.

### 9. Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành môn học này, người học có thể có được các khả năng sau:

#### ▪ Về kiến thức

Nắm bắt được khái niệm, đặc điểm, đối tượng và pp nghiên cứu của luật học so sánh;

Hiểu được sự hình thành và phát triển của các hệ thống pháp luật trên thế giới; các chế định pháp luật đặc thù trong các hệ thống pháp luật điển hình; các nguồn luật và cách thức áp dụng chúng trong các hệ thống pháp luật trên thế giới;

Nắm bắt được kiến thức về hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án ở một số nước trên thế giới.

#### ▪ Về kỹ năng

Phân tích, bình luận, đánh giá được các hệ thống pháp luật trên thế giới;

Vận dụng được các kiến thức so sánh pháp luật để đưa vào thực tiễn. Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình và làm việc nhóm của người học.

#### ▪ Về thái độ

Nâng cao nhận thức và có cái nhìn khách quan hơn về chính hệ thống pháp luật Việt Nam và các hệ thống pháp luật khác trên thế giới;

Ý thức nâng cao việc học và nghiên cứu ngoại ngữ nước ngoài.

### 10. Nội dung học phần

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận/Thực hành</b>
<b>Chương 1: Khái quát về Luật So Sánh (LSS)</b> 1. Khái niệm LSS 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của LSS 3. Mục đích và vai trò của LSS 4. Phân loại hệ thống pháp luật	4	2	2
<b>Chương 2: Hệ thống pháp luật civil law</b> 1. Khái quát về hệ thống pháp luật civil law 2. Nội dung của hệ thống pháp luật civil law 3. Nguồn của hệ thống pháp luật civil law 4. Pháp luật một số nước thuộc ht pháp luật civil law	7	5	2
<b>Chương 3: Hệ thống pháp luật common law</b> 1. Khái quát về hệ thống pháp luật common law 2. Pháp luật Anh 3. Pháp luật Mỹ	7	5	2
<b>Chương 4: Hệ thống pháp luật Hồi giáo</b> 1. Khái quát hệ thống pháp luật Hồi giáo 2. Pháp luật các quốc gia Hồi giáo	5	3	2
<b>Chương 5: Hệ thống pháp luật một số nước Châu Á</b> 1. Hệ thống pháp luật Nhật Bản 2. Hệ thống pháp luật Trung Quốc	5	3	2
Ôn tập	2	2	0
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

### **11. Tài liệu tham khảo**

- Nguyễn Quốc Hoàn – Chủ biên (2014), *Giáo trình Luật so sánh*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội

### **12. Phương pháp đánh giá học phần**

Điểm chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu..)

Điểm giữa kỳ 30% (kiểm tra tự luận)

Thi cuối kỳ cuối kỳ 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Luật đầu tư

**2. Số tín chỉ:** 2

**3. Ngành học:** Luật kinh tế

**4. Hệ đào tạo:** Chính quy

**5. Bậc đào tạo:** Đại học

**6. Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết)

**7. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế

**8. Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại*

Học phần giới thiệu cho sv gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Quá trình xây dựng và phát triển pháp luật về đầu tư.
- Chính sách nhà nước về đầu tư. Các hình thức đầu tư.
- Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đầu tư. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.
- Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước. Đầu tư ra nước ngoài.
- Quản lí nhà nước về đầu tư.

**9. Mục tiêu học phần:**

Trang bị cho sv những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đầu tư với các môn học khác. Sự hiểu biết chính sách của Nhà nước và qui định của pháp luật về hoạt động đầu tư kiếm lời của các thành phần kinh tế sẽ giúp cho sv có những quyết định đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động đầu tư, đồng thời còn có thể giúp cho sv sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật.

**10. Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
<b>Chương 1. Quá trình xây dựng và phát triển pháp luật về đầu tư</b> 1. Quan điểm và đường lối của Đảng về đầu tư của các thành phần kinh tế qua các thời kỳ. 2. Quá trình phát triển của pháp luật về đầu tư		2	
<b>Chương 2. Chính sách nhà nước về đầu tư</b> 1. Nguyên tắc chung 2. Bảo đảm đầu tư 3. Ưu đãi đầu tư 4. Hỗ trợ đầu tư 5. Lĩnh vực đầu tư có điều kiện 6. Lĩnh vực cấm đầu tư 7. Ban hành qui định		4	

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
<b>Chương 3. Các hình thức đầu tư</b> 1. Khái niệm về các hình thức đầu tư 2. Các hình thức đầu tư trực tiếp 3. Các h thức đầu tư gián tiếp		4	
<b>Chương 4. Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đầu tư</b> 1. Đăng ký dự án đầu tư trong nước 2. Đăng ký dự án đầu tư nước ngoài 3. Thẩm tra dự án đầu tư 4. Chấp thuận và cấp GCNĐT 5. Điều chỉnh dự án đầu tư 6. Hiệu lực của Giấy Chứng Nhận Đầu Tư		4	
<b>Chương 5. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư</b> 1. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về đầu tư 2. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về đất 3. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về tài chính, ngân hàng 4. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về thương mại 5. Quyền và nghĩa vụ của NĐT về lao động 6. Quyền của NĐT trong khu công nghiệp 7. Quyền của NĐT kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp		4	
<b>Chương 6. Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước</b> 1. Nguyên tắc chung 2. Thẩm định dự án 3. Đầu tư vào tổ chức kinh tế 4. Đầu tư công ích 5. Đầu tư bằng vốn tín dụng phát triển 6. Đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước 7. Thay đổi nội dung dự án 8. Hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án		4	
<b>Chương 7. Đầu tư ra nước ngoài</b> 1. Khái niệm 2. Nguyên tắc chung 3. Lĩnh vực khuyến khích và cấm đầu tư 4. Nhà đầu tư ra nước ngoài 5. Quyền và nghĩa vụ của NĐT ra nước ngoài 6. Điều kiện đầu tư ra nước ngoài 7. Thẩm quyền cấp GCNĐT ra nước ngoài 8. Qui trình cấp GCNĐT ra nước ngoài 9. Chấm dứt hiệu lực của GCNĐT ra nước ngoài		4	
<b>Chương 8. Quản lí nhà nước về đầu tư</b> 1. Nội dung QLNN về đầu tư 2. Trách nhiệm QLNN về đầu tư 3. QLNN về Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài		4	

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
4. Giải quyết tranh chấp về đầu tư 5. Thi hành Luật Đầu Tư mới			
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	

**11. Phân tài liệu tham khảo:**

- Đoàn Trung Kiên (2009), *Giáo trình Luật đầu tư*. NXB Giáo dục Việt Nam
- Luật đầu tư năm 2014

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

**9. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (thảo luận, phát biểu, điểm danh...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra tự luận/báo cáo)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- Tên học phần:** Luật hành chính
- Số tín chỉ:** 3 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp*

Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động quản lý của nhà nước trong lĩnh vực hành pháp. Toàn bộ môn học được chia thành 4 chủ đề. Phần đầu dẫn nhập và tổng quan các vấn đề cơ bản liên quan đến ngành Luật hành chính, phần hai, giới thiệu về các chủ thể quan trọng của Luật hành chính, phần thứ ba, môn học cung cấp các kiến thức liên quan đến các hình thức và phương pháp quản lý hành chính và cuối cùng là một số biện pháp bảo đảm pháp chế và tổ tụng hành chính. Môn học này được thiết kế gồm 3 tín chỉ 45 tiết học, kết hợp giữa giảng bài truyền thống với thảo luận, thực hiện tương tác giữa người dạy và người học qua việc nghiên cứu tình huống, thuyết trình, phản biện của sv dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

**9. Mục tiêu học phần:**

Sau khi kết thúc môn học, sv được trang bị đầy đủ kiến thức và các kỹ năng sau đây:

**Về phần lý luận:** môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về ngành Luật hành chính, bắt đầu từ kiến thức nền tảng như quan điểm, nguyên tắc hay quy phạm pháp luật hành chính đến lượng kiến thức chuyên sâu như các loại chủ thể, các hình thức và phương pháp quản lý hành chính, cuối cùng là các thủ tục để bảo vệ quyền lợi bị xâm hại của các bên khi tham gia quan hệ pháp luật hành chính.

**Về kỹ năng:** thông qua cách thức phân tích tình huống, sv củng cố lại lý thuyết đồng thời rèn luyện các kỹ năng phản biện, thuyết trình, kỹ thuật áp dụng pháp luật, sv sẽ tự tin thực hiện các hoạt động thực tiễn.

**Về năng lực:** khả năng độc lập nhận biết, nghiên cứu và đánh giá các tình huống liên quan đến pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính.

**Về thái độ:** trong chương trình học tập môn học Luật hành chính, sv được đào tạo để xây dựng hành vi và thái độ chuẩn mực của cơ quan nhà nước trong quản lý hành chính cũng như khả năng phản biện lại các chính sách của nhà nước, đưa ra được các kiến nghị với mục đích giúp nhà nước ban hành chính sách quản lý hành chính hiệu quả hơn..

**10. Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ Thực hành
<b>Chương 1: Tổng quan về pháp luật hành chính</b>	4	3	1

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận/ Thực hành</b>
- Giới thiệu môn học - Khái niệm; - Đặc điểm.			
<b>Chương 2: Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính</b> - Quy phạm pháp luật hành chính; - Quan hệ pháp luật hành chính.	4	3	1
<b>Chương 3: Các nguyên tắc trong quản lý hành chính nhà nước</b> - Khái niệm; - Các nguyên tắc cơ bản.	4	3	1
<b>Chương 4: Cơ quan hành chính nhà nước</b> - Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước; - Địa vị pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước.	4	3	1
<b>Chương 5: Cán bộ, công chức, viên chức</b> - Các khái niệm về cán bộ, công chức, viên chức; - Quy chế pháp lý cán bộ, công chức, viên chức; - Các vấn đề liên quan đến hoạt động công vụ.	4	2	2
<b>Chương 6: Quyết định hành chính</b> - Khái niệm, đặc điểm quyết định hành chính; - Phân loại quyết định hành chính; - Trình tự xây dựng và ban hành quyết định hành chính.	4	2	2
<b>Chương 7: Thủ tục hành chính</b> - Khái niệm, các nguyên tắc của thủ tục hành chính; - Chủ thể của thủ tục hành chính; - Phân loại thủ tục hành chính; - Các giai đoạn của thủ tục hành chính.	4	3	1
<b>Chương 8: Vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính.</b> - Vi phạm hành chính; - Trách nhiệm hành chính.	4	3	1
<b>Chương 9: Khiếu nại, tố cáo hành chính</b> - Khiếu nại và giải quyết khiếu nại; - Tố cáo và giải quyết tố cáo.	4	3	1
<b>Chương 10: Tố tụng hành chính</b> - Khái niệm, các nguyên tắc của tố tụng hành chính; - Thẩm quyền xét xử của tòa hành chính.	4	3	1
<b>Chương 11: Tố tụng hành chính</b> - Các giai đoạn của tố tụng hành chính; - Tổng kết môn học	5	2	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 11. Phần tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Cửu Việt – Chủ biên (2015), Giáo trình luật hành chính Việt Nam, Nxb Hồng Đức
- Luật xử phạt vi phạm hành chính 2012

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

**12. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (thảo luận, phát biểu, điểm danh..)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- 1. Tên học phần:** Luật hình sự
- 2. Số tín chỉ:** 3
- 3. Ngành:** Luật kinh tế
- 4. Hệ đào tạo:** Chính quy
- 5. Bậc học:** Đại học
- 6. Phân bổ thời gian:** lý thuyết (32 tiết); thực hành (13 tiết)
- 7. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- 8. Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

- Môn học Luật Hình sự là môn học truyền thống trong chương trình đào tạo cử nhân luật của nước ta. Đây là ngành luật quy định về tội phạm và hình phạt, là công cụ đặc lực nhà nước sử dụng trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

- Việc hiểu biết Luật Hình sự đối với mọi người nói chung và với những sv chuyên ngành luật kinh tế có ý nghĩa quan trọng vì sẽ giúp họ ý thức được những hành vi nào bị coi là tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, thông qua đó có ý thức trong việc tuân theo cũng như tự bảo vệ mình và người khác trong quá trình làm việc cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

- Phần chung của Luật Hình sự quy định về tội phạm và hình phạt, những chế định liên quan tới hai nội dung này. Các quy định trong phần chung mang tính ứng dụng chung, nguyên tắc cho quá trình giải quyết vụ án hình sự. Phần các tội phạm cụ thể sẽ xác định những dấu hiệu pháp lý của từng tội danh liên đới tới lĩnh vực kinh tế.

- Cấu trúc môn học; môn học gồm hai phần:

**Phần chung:** tài liệu trình bày đầy đủ và chi tiết các nội dung thuộc phần chung

**Phần tội phạm cụ thể:** để phù hợp với chuyên ngành đào tạo của trường (luật kinh tế) môn học chỉ tập trung ba chương: chương các tội xâm phạm sở hữu; chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; chương các tội phạm về chức vụ, trong các chương sẽ lựa chọn những tội mang tính chất điển hình để trình bày..

**9. Mục tiêu học phần:**

Trang bị cho sv những lý luận cơ bản về môn Luật Hình sự cả phần chung và phần các tội phạm cụ thể (trong đó tập trung vào phần chung và các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế). Trên cơ sở đó sv có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, cụ thể:

**Về kiến thức:**

Sv cần nắm được những nội dung về ngành luật hình sự và đạo luật, chế định về tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm và chế định hình phạt.

Về phần tội phạm cụ thể: sv nắm được dấu hiệu pháp lý của các loại tội phạm kinh tế, phân biệt được các tội với nhau.

**Về kỹ năng:**

Sv có khả năng phân tích luật và có thể áp dụng để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm cũng như giải các bài tập đề từ đó vận dụng vào thực tiễn.

**Về thái độ:**

Sv có ý thức tôn trọng pháp luật và có trách nhiệm đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thông qua trả lời các câu hỏi ôn tập sv rèn được bản lĩnh và kỹ năng trong quá trình giải quyết công việc sau này.

#### 10. Nội dung học phần:

Mục	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Nhận thức chung về Luật HSVN</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
A. Khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc của LHS I. Khái niệm LHS 1. Định nghĩa LHS 2. Đối tượng điều chỉnh của LHS 3. Phương pháp điều chỉnh của LHS II. Nhiệm vụ LHS III. Các nguyên tắc cơ bản của LHS B. Đạo luật HSVN I. Khái niệm đạo luật HS II. Cấu tạo đạo luật HS III. Hiệu lực của đạo LHS IV. Giải thích đạo luật hình sự			
<b>Chương 2: Tội phạm và cấu thành tội phạm</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	<b>3</b>
A. Tội phạm I. Khái niệm II. Phân loại tội phạm B. Cấu thành tội phạm I. Khái niệm II. Phân loại CTTTP III. Các yếu tố CTTTP 1. Khách thể 2. Mặt khách quan 3. Chủ thể 4. Mặt chủ quan			
<b>Chương 3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>3</b>
I. Khái niệm II. Chuẩn bị phạm tội 1. Định nghĩa 2. TNHS của giai đoạn chuẩn bị PT III. Phạm tội chưa đạt 1. Định nghĩa 2. Phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt 3. TNHS trong giai đoạn chuẩn bị PT IV. Tội phạm hoàn thành V. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội 1. Các điều kiện của tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội 2. TNHS trong tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội			
<b>Chương 4. Đồng phạm</b>	<b>3</b>		
I. Khái niệm và các dấu hiệu của đồng phạm 1. Khái niệm 2. Các dấu hiệu của đồng phạm II. Các loại người đồng phạm 1. Người thực hành 2. Người tổ chức 3. Người xúi giục 4. Người giúp sức III. Các hình thức đồng phạm IV. TNHS trong đồng phạm V. Những hành vi liên quan đến đồng phạm cấu thành tội độc lập			

<b>Mục</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
1. Tội che giấu tội phạm 2. Tội không tố giác tội phạm			
<b>Chương 5. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi</b>	<b>3</b>		
I. Khái niệm II. Phòng vệ chính đáng 1. Định nghĩa 2. Các điều kiện của phòng vệ chính đáng 3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng 4. Phòng vệ tương đương III. Tình thế cấp thiết 1. Định nghĩa 1. Các điều kiện của tình thế cấp thiết 2. Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết IV. Một số tình tiết khác			
<b>Chương 6. Trách nhiệm hình sự và hình phạt</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>2</b>
A. Trách nhiệm hình sự (TNHS) I. Khái niệm và cơ sở của TNHS; 1. Khái niệm TNHS 2. Cơ sở của TNHS II. Thời hiệu truy cứu TNHS; 1. Khái niệm 2. Điều kiện áp dụng B. Hình phạt I. Khái niệm hình phạt; 1. Định nghĩa 2. Mục đích II. Hệ thống HP; 1. Khái niệm 2. Các loại HP III. Quyết định HP; 1. Khái niệm 2. Nguyên tắc quyết định HP 3. Căn cứ QĐHP 4. QĐHP trong trường hợp đặc biệt IV. Miễn chấp hành HP, giảm thời hạn chấp hành HP 1. Miễn chấp hành HP 2. Án treo 3. Giảm thời hạn chấp hành HP 4. Hoãn chấp hành, tạm đình chỉ chấp hành HP tù V. Miễn TNHS, miễn HP; 1. Miễn TNHS 2. Miễn HP VI. Các biện pháp tư pháp; VII. Xóa án tích			
<b>Chương 7. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội</b>	<b>2</b>		
I. Đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội II. Các loại hình phạt và biện pháp tư pháp thay thế hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 1. Các loại hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 2. Các bpháp tư pháp được áp dụng đvới người chưa thành niên PT III. Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội 1. Nguyên tắc quyết định hình phạt 2. Quy tắc quyết định hình phạt 3. Tổng hợp hình phạt trong trường phạm nhiều tội IV. Giảm mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội V. Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội			
<b>Chương 8. Các tội xâm phạm sở hữu</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	

<b>Mục</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể 1. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 2. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 3. Tội sử dụng trái phép tài sản 4. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước			
<b>Chương 9. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	<b>3</b>
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể 1. Tội buôn lậu 2. Tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới 3. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm 4. Các tội sản xuất, buôn bán hàng giả 5. Tội kinh doanh trái phép 6. Tội đầu cơ 7. Tội trốn thuế 8. Tội lừa dối khách hàng 9. Tội cho vay lãi nặng 10. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả 11. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước 12. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước 13. Tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng 14. Tội lập quỹ trái phép 15. Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế 16. Tội quảng cáo gian dối 17. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ 18. Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 19. Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan 20. Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp 21. Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên 22. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai 23. Tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng 24. Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng 25. Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện 26. Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng 27. Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng 28. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả 29. Tội làm, tàng trữ vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác 30. Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán 31. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán 32. Tội thao túng giá chứng khoán			

Mục	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 10. Các tội phạm về chức vụ</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
I. Khái niệm chung II. Các tội phạm cụ thể 1. Tội tham ô tài sản 2. Tội nhận hối lộ 3. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản 4. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ 5. Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản 6. Tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi 7. Tội giả mạo trong công tác 8. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng 9. Tội đưa hối lộ 10. Tội làm môi giới hối lộ 11. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi			
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>32</b>	<b>13</b>

### 11. Phân tài liệu tham khảo.

- Trần Thị Quang Vinh – Chủ biên (2015), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Quyển 1*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM

- Trần Thị Quang Vinh – Chủ biên (2015), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Quyển 2*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM

- Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

### 12. Phương pháp đánh giá học phần.

- Chuyên cần (điểm danh, phát biểu, thảo luận...): 20%

- Kiểm tra định kỳ (tự luận, báo cáo nhóm): 30%

- Thi kết thúc học phần (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp): 50%



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- Tên học phần:** Luật dân sự 1 (Quy định chung, tài sản, thừa kế và nghĩa vụ dân sự)
- Số tín chỉ:** 3 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bố thời gian:** Lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp*

- Môn học này đề cập đến các vấn đề chung của Luật Dân sự gồm hệ thống: các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể của các quan hệ tài sản và nhân thân; Đồng thời người học cũng được tìm hiểu các chế định về thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về tài sản, quyền sở hữu, quyền thừa kế di sản.

- Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế.

**9. Mục tiêu học phần:**

▪ **Về kiến thức**

- Nhận ra được vai trò quan trọng của ngành Luật Dân sự;  
- Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản trong Luật Dân sự;  
- Nắm bắt được các kiến thức về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, nguồn của Luật Dân sự, nhiệm vụ và nguyên tắc của Luật Dân sự, chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế.

▪ **Về kỹ năng**

- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật dân sự liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế;

- Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế;

- Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình và làm việc nhóm của người học.

▪ **Về thái độ:** Tôn trọng pháp luật và những nguyên tắc trong quan hệ pháp luật dân sự; Ý thức tuyên truyền và phổ biến những quy định pháp luật dân sự trong cộng đồng.

**10. Nội dung học phần:**

Mục	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về Luật Dân sự Việt Nam</b>	5	3	2
1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự			
2. Nguồn gốc của Luật Dân sự			
3. Nhiệm vụ, nguyên tắc của Luật Dân sự			
4. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự			

## 11. Phần tài liệu tham khảo.

<b>Chương 2: Cá nhân – Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự</b>	7	5	2
1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân 2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân 3. Giám hộ 4. Nơi cư trú			
<b>Chương 3: Pháp nhân và các chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự</b>	7	5	2
1. Pháp nhân 2. Hộ gia đình và tổ hợp tác			
<b>Chương 4: Đại diện, thời hạn, thời hiệu</b>	5	3	2
1. Đại diện 2. Thời hạn, thời hiệu			
<b>Chương 5: Tài sản và quyền sở hữu</b>	10	7	3
1. Tài sản 2. Quyền sở hữu			
<b>Chương 6: Quyền thừa kế</b>	8	6	2
1. Khái niệm và các nguyên tắc của quyền thừa kế 2. Thừa kế theo di chúc 3. Thừa kế theo pháp luật			
Ôn tập	3	1	2
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

### 11. Tài liệu tham khảo

- Phạm Kim Anh (2013), *Giáo trình những quy định chung về luật dân sự*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM

- Lê Minh Hùng – Chủ biên (2014), *Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và thừa kế*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM

- Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM

- Bộ luật Dân sự năm 2015

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

## 12. Phương pháp đánh giá học phần,

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận...)

- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra tự luận)

- Kiểm tra cuối kỳ: 50%(Thi tự luận)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- Tên học phần:** Luật dân sự 2 (Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng)
- Số tín chỉ:** 3
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (27 tiết); thực hành (18 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 1*

Môn học này đề cập đến các vấn đề của Luật Dân sự gồm giao dịch dân sự; khái niệm, đặc điểm các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; điều kiện phát sinh và hậu quả pháp lý của nghĩa vụ ngoài hợp đồng; nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể;

Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế và phân tích các bản án.

**9. Mục tiêu học phần:**

Sau khi hoàn thành môn học này, người học có thể có được các khả năng sau:

**▪ Về kiến thức:**

Nắm bắt được các kiến thức về giao dịch dân sự; khái niệm, đặc điểm các loại nghĩa vụ dân sự, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự, trách nhiệm dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự; các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; hình thức, nội dung của hợp đồng dân sự, giao kết hợp đồng dân sự, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự; điều kiện phát sinh và hậu quả pháp lý của nghĩa vụ ngoài hợp đồng; nguyên tắc bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

**▪ Về kỹ năng:**

- Phân tích, bình luận, đánh giá được các bản án, quy định pháp luật dân sự liên quan đến giao dịch dân sự, nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình và làm việc nhóm của người học.

▪ **Về thái độ:**

- Tôn trọng pháp luật và những nghĩa vụ dân sự;

- Ý thức tuyên truyền và phổ biến những quy định pháp luật dân sự trong cộng đồng.

**10. Nội dung học phần:**

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
<b>Chương 1: Giao dịch dân sự</b> 1. Khái quát về giao dịch dân sự 2. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự 3. Giao dịch dân sự vô hiệu	7	5	2
<b>Chương 2: Nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự</b> 1. Nghĩa vụ dân sự 2. Trách nhiệm dân sự 3. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	13	8	5
<b>Chương 3: Hợp đồng dân sự</b> 1. Những quy định chung về hợp đồng dân sự 2. Các hợp đồng dân sự thông dụng	13	8	5
<b>Chương 4: Quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</b> 1. Quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 2. Những trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể	10	5	5
Ôn tập	2	1	1
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>27</b>	<b>18</b>

## 11. Phần tài liệu tham khảo:

- Lê Đình Nghị, 2011. *Giáo trình luật dân sự Việt Nam* (tập 2), Nxb. Giáo dục, Hà Nội
- Đỗ Văn Đại – Chủ biên (2014), *Giáo trình pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM
- Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2005*, tập 2, Nxb Chính trị QG, Hà Nội.
- Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2005*, tập 3, Nxb Chính trị QG, Hà Nội.
- Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM
- Bộ luật Dân sự năm 2015
- Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước 2010.
- Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2010

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

## 9. Phương pháp đánh giá học phần,

- Chuyên cần: 20% điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận/báo cáo)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50%(Thi tự luận/trắc nghiệm/vấn đáp)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật tố tụng dân sự
- Số tín chỉ:** 3 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bố thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

**Điều kiện tiên quyết:** Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Luật Dân sự.

Môn Luật Tố tụng Dân sự là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sv những kiến thức pháp luật cơ bản về giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án, môn học giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Tố tụng Dân sự với các môn học khác. Sự hiểu biết qui định của pháp luật về hoạt động tố tụng trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân – gia đình, lao động, kinh doanh – thương mại sẽ giúp cho sv có thể sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình cũng như của người khác trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn giúp cho sv có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành. Bên cạnh đó, với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế hiện nay, thì việc nắm vững kiến thức pháp luật tố tụng dân sự để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, đầu tư là yêu cầu hết sức cần thiết.

### 9. Mục tiêu học phần:

Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chủ yếu sau:

- Tổng quan về Luật Tố tụng Dân sự;
- Thẩm quyền dân sự của Tòa án;
- Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự;
- Thủ tục giải quyết việc dân sự;
- Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài;
- Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài;
- Thi hành bản án, quyết định dân sự;
- Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự;

### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về Luật Tố tụng Dân sự</b> I. Khái niệm, đối tượng và ppháp điều chỉnh của luật tt dân sự II. Nhiệm vụ và nguồn của luật tố tụng dân sự III. Chủ thể của luật tố tụng dân sự IV. Nguyên tắc của luật tố tụng dân sự	4,5	2,5	2
<b>Chương 2: Thẩm quyền dân sự của Tòa án.</b>	4,5	2,5	2

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
I. Khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc phân định thẩm quyền dân sự của Tòa án II. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc III. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo cấp IV. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo lãnh thổ V. Thẩm quyền dân sự của Tòa án khi giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài			
<b>Chương 3: Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.</b> I. Chứng cứ II. Chứng minh	4,5	2,5	2
<b>Chương 4: Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự</b> I. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại biện pháp khẩn cấp tạm thời II. Thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	2,5	1,5	01
<b>Chương 5: Án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác</b> I. Án phí, lệ phí II. Chi phí tố tụng khác.	02	01	01
<b>Chương 6: Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự</b> I. Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm II. Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm III. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật	09	6,5	2,5
<b>Chương 7: Thủ tục giải quyết việc dân sự</b> I. Qui định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự II. Thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân III. Thủ tục giải quyết yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết IV. Thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động trọng tài thương mại Việt Nam	4,5	2,5	2
<b>Chương 8: Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài &amp; quyết định của Trọng tài nước ngoài</b> I. Qui định chung II. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài III. Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam IV. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài	4,5	2,5	2
<b>Chương 9: Thi hành bản án, quyết định dân sự</b> I. Qui định chung II. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án	2,5	2	0,5
<b>Chương 10: Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự</b> I. Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự II. Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự	2	2	
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

## 11. Phần tài liệu tham khảo.

- Nguyễn Thị Hoài Phương – Chủ biên (2014), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM

- Lê Hồng Hải (2016), *Hướng dẫn giải quyết các vụ án dân sự*, Nxb Hồng Đức, TPHCM.

- Đỗ Văn Đại – Nguyễn Văn Tiên (2010), *Tuyển tập các bản án quyết định của Tòa án về tố tụng dân sự*, Nxb Lao động.

- Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

## **12. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu)

- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận)

- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (thi tự luận/trắc nghiệm)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật tố tụng hình sự
- Số tín chỉ:** 2 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bố thời gian:** Lý thuyết (23 tiết); thực hành (7 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.

### 8. Mô tả học phần:

*Điều kiện tiên quyết:* Lý luận nhà nước và Pháp luật, Luật hình sự

Luật Tố tụng hình sự là môn học nghiên cứu về trình tự và thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Ngày nay, nhà làm luật cũng như những người làm nghề luật ngày càng ý thức hơn vai trò quan trọng của lĩnh vực luật này. Một vụ án hình sự được giải quyết với trình tự nào, thủ tục thực hiện các hành vi tố tụng như bắt người, tạm giữ, tạm giam... như thế nào, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra sao là do Luật TTHS điều chỉnh.

Việc khai thông hay tạo ra sự ách tắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự chủ yếu là do thực thi PL TTHS. Người kinh doanh vì các lý do nhất định mà phải tham gia vào TTHS thì cần ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình tham gia vào TTHS là gì để bảo vệ tốt nhất cho lợi ích của mình.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề chung của Luật tố tụng hình sự, hệ thống chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS: Cơ quan tiến hành tố tụng; Người tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng; Biện pháp ngăn chặn trong TTHS; Chứng cứ và chứng minh trong TTHS; Trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

### 9. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sv những lý luận cơ bản về môn Luật Tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó sv có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống. Cụ thể:

#### ▪ Về kiến thức:

Trang bị cho sv hiểu biết về những vấn đề chung của luật Tố tụng hình sự cũng như những trình tự, thủ tục cụ thể của từng giai đoạn tố tụng.

#### ▪ Về kỹ năng:

Xây dựng kỹ năng phân tích luật; Xây dựng kỹ năng ban đầu trong giải quyết vụ án hình sự; Kỹ năng phát hiện những sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự từ phía cơ quan chức năng; Kỹ năng làm việc nhóm.

#### ▪ Về thái độ:

- Hiểu được ý nghĩa của việc thực thi PL TTHS liên quan trực tiếp đến hiệu quả giải quyết vụ án hình sự, đến số phận con người mà xây dựng thái độ tôn trọng pháp luật trong quá trình thực thi pháp luật.

- Xây dựng thái độ văn hóa pháp lý trong gtiếp với các chủ thể tham gia tố tụng hình sự.

### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự; chủ thể tiến hành và tham gia TTHS</b> <b>I. Khái niệm chung về luật TTHS</b>	7	5	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<p>1. Khái niệm luật TTHS; 2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật TTHS</p> <p><b>II. Nhiệm vụ của luật TTHS</b></p> <p><b>III. Các nguyên tắc của Luật TTHS.</b></p> <p>1. Một số nguyên tắc chung của luật TTHS; 2. Một số nguyên tắc đặc thù của luật TTHS</p> <p><b>IV. Chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng</b></p> <p>1. Cơ quan tiến hành tố tụng 2. Người tiến hành tố tụng; 3. Người tham gia tố tụng</p>			
<p><b>Chương 2. Chứng cứ và chứng minh trong TTHS</b></p> <p><b>I. Chứng cứ trong TTHS</b></p> <p>1. Khái niệm chứng cứ 2. Các thuộc tính của chứng cứ</p> <p>3. Các loại nguồn của chứng cứ 4. Phân loại chứng cứ</p> <p><b>II. Chứng minh trong TTHS</b></p> <p>1. Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh</p> <p>2. Quá trình chứng minh a. Thu thập chứng cứ</p> <p>b. Kiểm tra chứng cứ c. Đánh giá chứng cứ</p>	5	5	
<p><b>Chương 3. Biện pháp ngăn chặn trong TTHS</b></p> <p><b>I. Khái niệm và căn cứ áp dụng BPNC</b></p> <p>1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn</p> <p>2. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn</p> <p><b>II. Các biện pháp ngăn chặn cụ thể</b></p> <p>1. Bắt người 2. Tạm giữ 3. Tạm giam 4. Cấm đi khỏi nơi cư trú</p> <p>5. Bảo lãnh 6. Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo</p> <p><b>III. Huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn</b></p>	5	3	2
<p><b>Chương 4. Các giai đoạn TTHS</b></p> <p><b>I. Khởi tố vụ án</b></p> <p>1. Khái niệm, nhiệm vụ; 2. Những quy định chung về khởi tố vụ án hình sự</p> <p><b>II. Điều tra vụ án hình sự và truy tố</b></p> <p><b>1. Điều tra vụ án hình sự</b></p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ; b. Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự</p> <p><b>2. Truy tố</b></p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ; b. Những quy định chung về truy tố.</p> <p><b>III. Xét xử vụ án hình sự</b></p> <p><b>1. Xét xử sơ thẩm</b></p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ; b. Những quy định chung về xét xử sơ thẩm vụ án hình sự</p> <p><b>2. Xét xử phúc thẩm</b></p> <p>a. Khái niệm, nhiệm vụ; b. Những quy định chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự</p> <p><b>IV. Thi hành án hình sự</b></p> <p><b>1. Khái niệm, nhiệm vụ; 2. Những quy định chung về thi hành án hình sự</b></p>	10	7	3
<p><b>Chương 5. Thủ tục đặc biệt trong TTHS</b></p> <p><b>I. Xét lại bản án, q định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án</b></p> <p>1. Giám đốc thẩm 2. Tái thẩm</p> <p><b>II. Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội</b></p> <p>1. Khái niệm, ý nghĩa; 2. Đặc điểm việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành</p>	3	3	

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
án. <b>III. Thủ tục rút gọn</b> 1. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn; 2. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn. 3. Đặc điểm việc điều tra, truy tố và XXST theo thủ tục rút gọn.			
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>23</b>	<b>7</b>

#### 11. Phần tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Luật TP.HCM (2016), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Hồng Đức

- Võ Kim Oanh (2012), *Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb ĐHQG-TPHCM.

- Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

#### 12. Phương pháp đánh giá học phần,

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)

- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận)

- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thị tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế
- Số tín chỉ:** 3
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Luật Dân sự.*

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế và các nguyên tắc của nó.

### 9. Mục tiêu học phần:

Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể nắm được khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế; Ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế; Các chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế; Thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế.

### 10. Nội dung học phần:

Học phần gồm những nội dung sau:

- ✓ Chương 1: Khái quát Hợp đồng thương mại quốc tế.
- ✓ Chương 2: Ký kết và điều chỉnh nội dung Hợp đồng thương mại quốc tế.
- ✓ Chương 3: Chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế.
- ✓ Chương 4: Thanh toán quốc tế.
- ✓ Chương 5. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế

### 11. Phần tài liệu tham khảo

- Mai Hồng Quỳnh – Trần Việt Dũng (2012), *Giáo trình Luật thương mại Quốc tế*, Nxb ĐHQG TP.HCM.

- Ngô Hữu Phước – Lê Đức Phương (2014), *Các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài phục vụ học tập nghiên cứu luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự luật quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, Nxb Hồng Đức. TP.HCM

### 12. Phương pháp đánh giá học phần,

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra/làm báo cáo)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Công pháp quốc tế
- Số tín chỉ:** 3 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (36 tiết); thực hành (9 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết:*

- Lý luận nhà nước và pháp luật
- Nếu kết hợp với việc nghiên cứu các học phần Luật hành chính, Luật Dân sự, và Công pháp quốc tế, sv sẽ tiếp cận môn học này môn cách nhanh chóng và hiệu quả hơn

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Luật Quốc tế (Công pháp quốc tế). Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật quốc tế, như: Những vấn đề chung về Luật Quốc tế (nguồn luật, chủ thể, các nguyên tắc); Lãnh thổ và biên giới quốc gia; Luật Điều ước quốc tế; pháp luật về ngoại giao và lãnh sự; về hàng không dân dụng; và về Biển quốc tế.

### 9. Mục tiêu học phần:

▪ **Về kiến thức:** Sinh viên có được kiến thức cơ bản về công pháp quốc tế để dễ dàng nghiên cứu các môn học khác có liên quan, như Luật So sánh, Luật Thương mại quốc tế, Tư pháp quốc tế, ...

▪ **Về kỹ năng:** Sinh viên có thể phân tích, đánh giá các vấn đề mang tính thời sự quốc tế nói chung và chủ quyền quốc gia Việt Nam nói riêng trong tình hình hiện nay.

### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về Luật Quốc tế</b> 1. Khái niệm Luật quốc tế. 2. Đặc điểm cơ bản của Luật quốc tế. 3. Nguồn của Luật quốc tế. 4. Mối quan hệ giữa Luật quốc tế và Luật quốc gia. 5. Lược sử phát triển của Luật quốc tế. 6. Vai trò của Luật quốc tế.	05	05	0
<b>Chương 2: Các nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế</b> 1. Khái niệm. 2. Nguyên tắc Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.	05	04	01

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
3. Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình Sự hình thành nguyên tắc. 4. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác 5. Ngắt các quốc gia có nghĩa vụ phải hợp tác với nhau 6. Nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết 7. Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia 8. Nguyên tắc Pacta Sunt Servanda			
<b>Chương 3: Chủ thể của Luật quốc tế hiện đại</b> 1. Lý luận về chủ thể của Luật quốc tế hiện đại 2. Sự công nhận trong luật Quốc tế; 3. Kế thừa trong luật Quốc tế hiện đại	05	04	01
<b>Chương 4: Luật Điều ước quốc tế</b> 1. Những vấn đề chung về Điều ước quốc tế 2. Ký kết Điều ước quốc tế; 3. Hiệu lực pháp lý của Điều ước quốc tế	05	04	01
<b>Chương 5: Lãnh thổ và biên giới quốc gia</b> <b>1. Lãnh thổ quốc gia 2. Biên giới quốc gia</b>	02	02	0
<b>Chương 6: Dân cư trong luật quốc tế hiện đại</b> <b>1. Khái niệm 2. Quốc tịch 3. Quốc tịch Việt Nam</b> <b>4. Luật quốc tế và quyền con người</b>	05	04	01
<b>Chương 7: Luật Ngoại giao và Lãnh sự</b> <b>1. Khái niệm 2. Các cơ quan quan hệ ngoại giao trong nước 3. Các cơ quan quan hệ ngoại giao nước ngoài</b>	05	04	01
<b>Chương 8: Luật Hàng không quốc tế</b> <b>1. Những vấn đề lý luận về luật Hàng không quốc tế</b> <b>2. Vùng trời, phi hành đoàn và phương tiện bay hàng không</b> <b>3. Các nguyên tắc của Luật Hàng không quốc tế</b> <b>4. Điều chỉnh pháp lý vận chuyển hàng không dân dụng quốc tế</b>	06	04	02
<b>Chương 9: Luật Biển quốc tế</b> <b>1. Khái niệm Luật Biển quốc tế 2. Vùng Nội thủy</b> <b>3. Vùng Lãnh hải 4. Vùng Tiếp giáp lãnh hải</b> <b>5. Vùng Đặc quyền kinh tế 6. Thềm lục địa</b> <b>7. Biển quốc tế và đáy đại dương</b>	07	05	02
<b>Tổng</b>	45	36	09

## **11. Phần tài liệu tham khảo**

- Trần Thị Thùy Dương – Nguyễn Thị Yến (2015), *Công pháp quốc tế (Quyển 1)*, Nxb Hồng Đức

- Trần Thị Thùy Dương – Nguyễn Thị Yến (2015), *Công pháp quốc tế (Quyển 1)*, Nxb Hồng Đức

## **12. Phương pháp đánh giá học phần**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra theo hình thức tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm/vấn đáp)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tư pháp quốc tế
- Số tín chỉ:** 3 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Đã học xong môn Lý luận NN và Pháp luật, Luật Dân sự, Luật Tố tụng Dân sự, Luật Lao động, Luật Thương mại, Luật hôn nhân – gia đình và Công pháp quốc tế.*

Môn Tư pháp quốc tế là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sv những kiến thức pháp luật về tư pháp quốc tế, môn học giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp sử dụng hiệu quả kiến thức của môn Tư pháp quốc tế với các môn học khác.

Tư pháp quốc tế mang lại sự hiểu biết quy định của pháp luật về các quan hệ giữa công dân và pháp nhân phát sinh trong đời sống quốc tế như quan hệ sở hữu, hợp đồng thương mại quốc tế, thừa kế, hôn nhân gia đình hoặc tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài. ... sẽ giúp cho sv có thể sử dụng pháp luật không những bảo vệ hữu hiệu lợi ích chính đáng của mình, mà còn có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành. Bởi lẽ với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, thì nhu cầu tìm hiểu pháp luật điều chỉnh về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của người dân cũng như các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

### 6. Mục tiêu học phần:

- Về kiến thức:** Tư pháp quốc tế trang bị cho sv những hiểu biết cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật với các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Sv cũng sẽ có kiến thức nền tảng về xung đột pháp luật, giải quyết các vấn đề quyền sở hữu, hợp đồng, hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, ...
- Về kỹ năng:** Sv có phương pháp tiếp cận pháp lý hiện đại về tư pháp quốc tế. Sv có khả năng tư vấn, soạn thảo, điều chỉnh các nội dung cơ bản trong các loại văn bản, hợp đồng dân sự có liên quan đến yếu tố nước ngoài.

### 7. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Lý luận chung về Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm, tên gọi Tư pháp quốc tế II. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế III. Nguồn của Tư pháp quốc tế	4	3	1
<b>Chương 2: Chủ thể của Tư pháp quốc tế</b>	4	3	1

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
I. Người nước ngoài II. Pháp nhân nước ngoài III. Quốc gia - chủ thể đặc biệt của Tư pháp quốc tế			
<b>Chương 3: Xung đột pháp luật</b> I. Khái niệm xung đột pháp luật II. Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật III. Các hệ thuộc cơ bản IV. Áp dụng pháp luật nước ngoài	4	3	1
<b>Chương 4: Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế</b> I. Thẩm quyền của Tòa án quốc gia II. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam III. Pháp luật điều chỉnh hoạt động tố tụng IV. Ủy thác tư pháp	4	3	1
<b>Chương 5: Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài</b> I. Khái niệm II. Công nhận và thi hành bản án, qđ của Tòa án nước ngoài III. Công nhận và thi hành qđịnh của trọng tài nước ngoài	4	3	1
<b>Chương 6: Quyền sở hữu trong Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu III. Quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	5	3	2
<b>Chương 7: Hợp đồng trong Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về hđ trong tư pháp quốc tế III. Các loại hợp đồng có yếu tố nước ngoài	5	3	2
<b>Chương 8: Thừa kế trong Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm II. Giải quyết xđột pháp luật về thừa kế trong tư pháp quốc tế III. Giải quyết xđột về thừa kế có yếu tố nước ngoài tại VN	5	3	2
<b>Chương 9: Quyền sở hữu trí tuệ trong Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm II. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ III. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài tại VN	5	3	2
<b>Chương 10: Hôn nhân và Gia đình trong Tư pháp quốc tế</b> I. Khái niệm II. Giải quyết xung đột pháp luật về hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế III. Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	5	3	2
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

## **11. Phần tài liệu tham khảo**

### **11.1. Tài liệu tham khảo chính**

- Lê Thị Nam Giang (2014), *Tư pháp Quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

- Ngô Hữu Phước – Lê Đức Phương (2014), *Các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài phục vụ học tập nghiên cứu luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự luật quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, Nxb Hồng Đức. TP.HCM

**12. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại 1 (Pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh và doanh nghiệp)
- Số tín chỉ:** 3
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (32 tiết); thực hành (13 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Luật hành chính, Luật dân sự.*

  - Trình bày các quy định pháp luật về thương nhân, chủ thể chính tham gia hoạt động TM.
  - Quy định pháp luật về Thành lập, tổ chức và quản lý các loại hình doanh nghiệp.
  - Các quy định về việc góp vốn trong DN, các hình thức xử lý vốn của từng loại doanh nghiệp.
  - Các quy định về cách thức tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã.
- Mục tiêu học phần:**
  - Về Kiến thức:**
    - Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về thương nhân.
    - Phân biệt được từng loại thương nhân với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện những ưu điểm, hạn chế của từng loại thương nhân.
    - Biết cách tổ chức quản lý hoạt động của các loại thương nhân phù hợp với quy định pháp luật nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận.
  - Về kỹ năng:**
    - Có khả năng tư vấn hoặc tự mình tổ chức việc quản lý loại hình thương nhân tuân thủ pháp luật và mang lại hiệu quả kinh tế nhất.
    - Có khả năng phân tích, bình luận những quy định pháp luật hoặc sự kiện thực tế liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, giải thể, tổ chức lại các loại hình thương nhân.
  - Về Nhận thức:**
    - Có nhận thức và thái độ đúng đắn về tự do hoạt động thương mại của các thương nhân.
    - Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật về kinh doanh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chung thương nhân, của nhà nước và xã hội
- Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về Luật thương mại</b> 1. Khái niệm và đặc điểm của luật thương mại - Khái niệm- Đặc điểm 2. Hành vi thương mại - Khái niệm - Đặc điểm - Phân loại 3. Thương nhân - Khái niệm - Đặc điểm - Các loại thương nhân 4. Nguồn của luật thương mại - Văn bản QPPL - Điều ước quốc tế -Tập quán thương mại	03	02	01

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 2: Những quy định chung về doanh nghiệp</b> 1. Khái niệm và phân loại doanh nghiệp - Khái niệm doanh nghiệp - Phân loại doanh nghiệp 2. Thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp - Thành lập doanh nghiệp Tổ chức lại doanh nghiệp Giải thể doanh nghiệp 3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp	05	04	01
<b>Chương 3: Công ty trách nhiệm hữu hạn</b> 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên 1.1 Khái niệm và đặc điểm 1.2 Thành viên công ty 1.3 Góp vốn, các hình thức xử lý vốn, chia cổ tức 1.4 Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên - Khái niệm và đặc điểm - Chủ sở hữu công ty - Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty	07	05	02
<b>Chương 4: Công ty Cổ phần</b> 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Cổ phần, cổ phiếu cổ đông Cổ phần Cổ phiếu Cổ đông 3. Các Quy định về vốn trong công ty: 3.1 Góp vốn, chuyển nhượng và mua lại vốn góp 3.2. Huy động vốn 3.3. Tăng giảm vốn điều lệ 3.4. Chia cổ tức 4. Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty .	10	07	03
<b>Chương 5: Công ty hợp danh</b> 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Thành viên công ty 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty	05	04	01
<b>Chương 6: Doanh nghiệp tư nhân</b> 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Quyền và nghĩa vụ của chủ DN đối với dnghiep tư nhân - Quyền và nghĩa vụ của chủ DN ở phương diện doanh nghiệp - Quyền và nghĩa vụ của chủ DN ở phương diện sở hữu 3. Cơ cấu tổ chức và quản lý của DNTN	05	04	01
<b>Chương 7: Một số quy định pháp luật đặc thù về doanh nghiệp có vốn Nhà nước</b> 1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại DN có vốn Nhà nước 2. Chủ sở hữu nhà nước và cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước 3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước trong DN có vốn nhà nước 4. Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn NN	03	02	01
<b>Chương 8: Hộ kinh doanh</b> 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Đăng ký kinh doanh, tạm ngừng và chấm dứt hoạt động của Hộ kinh doanh 3. Quyền và nghĩa vụ Hộ kinh doanh 4. Tổ chức quản lý hộ kinh doanh	02	01	01
<b>Chương 9: Hợp tác xã</b> 1. Khái niệm Hợp tác xã 2. Nguyên tắc hoạt động 3. Thành lập và đăng ký kinh doanh	05	03	02

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
4. Quyền và nghĩa vụ của HTX 5. Xã viên 6. Tổ chức quản lý hoạt động HTX 7. Tổ chức lại và giải thể HTX 8. Liên hiệp HTX và liên minh HTX			
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>32</b>	<b>13</b>

**11. Phần tài liệu tham khảo:**

- Bùi Xuân Hải (2015), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nxb Hồng Đức
- Luật doanh nghiệp năm 2014

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

**12. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu..)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (kiểm tra tự luận)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại 2 (Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ)
- Số tín chỉ:** 3
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế.
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết:* Luật dân sự; Luật thương mại 1

Luật thương mại 2 là ngành luật chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại, bao gồm những vấn đề sau đây:

- Pháp luật về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác.
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên chủ thể phát sinh qua các hợp đồng trong TM.
- Trách nhiệm pháp lý và chế tài thương mại được áp dụng đối với các chủ thể tham gia hoạt động thương mại có hành vi vi phạm.

#### 9. Mục tiêu học phần:

▪ **Về Kiến thức:** Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về các hoạt động thương mại và phân biệt được từng loại hoạt động thương mại. Hiểu rõ tính chất luật định phát sinh từ hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại...

▪ **Về Kỹ năng:** Có thể tư vấn hoặc tự mình tham gia các hoạt động thương mại, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của mình tốt nhất, phòng ngừa, hạn chế được rủi ro.

▪ **Về nhận thức:** Có nhận thức và thái độ đúng đắn về tự do thương mại theo quy định PL. Có ý thức chấp hành tốt các quy định PL khi tham gia hoạt động thương mại.

#### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về hoạt động thương mại</b> 1. Hoạt động thương mại - Khái niệm hoạt động thương mại - Các loại hoạt động thương mại 2. Áp dụng luật đối với hoạt động thương mại 3. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại	2	1	1
<b>Chương 2: Pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa</b> 1. Hoạt động mua bán hàng hóa - Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa - Xác lập hợp đồng và điều kiện có hiệu lực của hợp đồng - Nội dung của hợp đồng - Thực hiện hợp đồng	07	05	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
2. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa - Khái niệm và đặc điểm - Khái quát về sở giao dịch hàng hóa - Hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa			
<b>Chương 3: Pháp luật về cung ứng dịch vụ thương mại</b> 1. Khái quát về hoạt động cung ứng dịch vụ và hợp đồng cung ứng dịch vụ - Khái niệm và đặc điểm của cung ứng dịch vụ - Đặc trưng của pháp luật điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ - Hợp đồng cung ứng dịch vụ 2. Một số hoạt động thương mại dịch vụ cụ thể - Dịch vụ logistic - Dịch vụ quá cảnh hàng hóa - Dịch vụ giám định thương mại	07	05	02
<b>Chương 4: Pháp luật về hoạt động trung gian thương mại</b> 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về trung gian thương mại - Khái niệm và đặc điểm - Vị trí, vai trò của trung gian thương mại 2. Các hoạt động trung gian thương mại - Đại diện cho thương nhân - Môi giới thương mại - Ủy thác mua bán hàng hóa - Đại lý thương mại	07	05	02
<b>Chương 5: Một số hoạt động thương mại khác</b> 1. Gia công hàng hóa 2. Đấu giá hàng hóa 3. Đấu thầu hàng hóa, dịch vụ 4. Cho thuê hàng hóa 5. Nhượng quyền thương mại	08	04	04
<b>Chương 6: Pháp luật về xúc tiến thương mại</b> 1. Khái quát về xúc tiến thương mại và pháp luật về xúc tiến thương mại 2. Các hoạt động xúc tiến thương mại cụ thể - Khuyến mại - Quảng cáo thương mại - Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ - Hội chợ, triển lãm thương mại	07	05	02
<b>Chương 7: Chế tài thương mại</b> 1. Khái quát về chế tài trong hoạt động thương mại 2. Các loại chế tài trong hoạt động thương mại - Buộc thực hiện đúng hợp đồng - Phạt vi phạm - Bồi thường thiệt hại - Tạm ngừng thực hiện hợp đồng - Đình chỉ thực hiện hợp đồng - Hủy bỏ hợp đồng - Các loại chế tài khác theo thỏa thuận của các bên 3. Khiếu nại trong hoạt động thương mại	07	05	02
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 11. Phần tài liệu tham khảo:



- Trường Đại học Luật Tp.HCM, 2012. *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb Hồng Đức

- Luật thương mại năm 2005.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

**12.. Phương pháp đánh giá học phần,**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu)

- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra tự luận)

- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại 3 (Pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp)
- Số tín chỉ:** 2 TC
- Ngành học:** Luật kinh tế
- Hệ đào tạo:** Chính quy
- Bậc đào tạo:** Đại học
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (20 tiết); thực hành (10 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế - luật
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết: Đã học Luật Tố tụng dân sự*

Học phần cung cấp cho sv các quy định của pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại để xác định thẩm quyền giải quyết của các cơ quan; các hình thức giải quyết tranh chấp; địa vị pháp lý của trọng tài thương mại của Việt Nam; thủ tục tố tụng trọng tài theo Pháp lệnh Việt Nam.

### 9. Mục tiêu học phần:

Học phần Pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp giúp sv nắm bắt các quy định của pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại để xác định thẩm quyền giải quyết của các cơ quan; các hình thức giải quyết tranh chấp; địa vị pháp lý của trọng tài thương mại của Việt Nam; thủ tục tố tụng trọng tài theo Pháp lệnh Việt Nam.

### 10. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Pháp luật về phá sản Việt Nam</b> 1. Những vấn đề chung về phá sản và pháp luật phá sản 1.2. Phân loại phá sản 1.3. Nội dung cơ bản của Luật Phá sản Việt Nam 1.4. Vai trò của pháp luật phá sản Việt Nam 2. Chủ thể tiến hành và tham gia quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản 2.1. Cơ quan tiến hành thủ tục phá sản: 2.2. Tổ quản lý, thanh lý tài sản 2.3. Chủ nợ 2.4. Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
3. Trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 3.1. Thủ tục nộp đơn và thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố phá sản 3.2. Thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh 3.3. Thủ tục thanh lý tài sản 3.4. Tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã			
<b>Chương 2: Giải quyết tranh chấp thương mại</b> 1. Khái quát tranh chấp kinh doanh thương mại và hình thức giải quyết tranh chấp 1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại 1.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại 2. Quyết tranh chấp bằng trọng tài th mại theo pháp luật Việt Nam 2.1. Các hình thức trọng tài thương mại 2.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 2.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp 2.4. Thi hành quyết định trọng tài 2.5. Hủy quyết định trọng tài	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

#### 11. Phần tài liệu tham khảo

- Hà Thị Thanh Bình (2014), *Giáo trình pháp luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong thương mại*, Nxb Hồng Đức
- Luật trọng tài thương mại năm 2010.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên: <https://www.google.com.vn/>

#### 12. Phương pháp đánh giá học phần,

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận, phát biểu...)
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% (Kiểm tra tự luận/báo cáo)
- Kiểm tra cuối kỳ: 50% (Thi tự luận/trắc nghiệm)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật lao động
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (27 tiết); thực hành (18 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Môn Luật Lao động là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sv những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động trong nền kinh tế thị trường hiện nay, môn học giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Lao động với các môn học khác. Sự hiểu biết những qui định pháp luật về lao động giúp cho sv có cách quản lý phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sv sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.

### 8. Mục tiêu học phần:

Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chủ yếu sau:

- Lý luận chung về Luật Lao động - Hợp đồng lao động
- Thỏa ước lao động tập thể - Thời giờ làm việc-Thời giờ nghỉ ngơi
- Tiền lương - Bảo hộ lao động
- Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất - Bảo hiểm xã hội
- Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

### 9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Lý luận chung về Luật Lao động</b> I- Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Lao động II- Chủ thể của ngành Luật Lao động III- Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật Lao động	4,5	2,5	2
<b>Chương 2: Hợp đồng lao động</b> I- Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc ký kết và các loại HĐLĐ II- Đối tượng và phạm vi áp dụng HĐLĐ III- Giao kết và thực hiện HĐLĐ IV- Chấm dứt HĐLĐ	4,5	2,5	2
<b>Chương 3: Thỏa ước lao động tập thể</b> I- Những vấn đề chung về thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể II- Nội dung, trình tự thương lượng tập thể & ký kết thỏa ước lao động tập thể	4,5	2,5	2
<b>Chương 4: Thời giờ làm việc – Thời giờ nghỉ ngơi</b> I- Thời giờ làm việc II- Thời giờ nghỉ ngơi	4,5	2,5	2
<b>Chương 5: Tiền lương</b> I- Những vấn đề chung của tiền lương II- Chế độ tiền lương III- Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ lao động đối với việc trả lương IV- Một số qui định trả lương khác	4,5	2,5	2
<b>Chương 6: Bảo hộ lao động</b> I- Khái niệm và các nguyên tắc bảo hộ lao động II- Chế độ bảo hộ lao động	4,5	2,5	2

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
III- Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ lao động đối với việc bảo hộ lao động IV- Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.			
<b>Chương 7: Kỹ luật lao động - Trách nhiệm vật chất</b> I- Kỹ luật lao động II- Trách nhiệm vật chất của người lao động trong quan hệ lao động	4,5	2,5	2
<b>Chương 8: Bảo hiểm xã hội</b> I- Những vấn đề chung về bảo hiểm xã hội II- Bảo hiểm xã hội bắt buộc III- Bảo hiểm xã hội thất nghiệp	4,5	2,5	2
<b>Chương 9: Giải quyết tranh chấp lao động và đình công</b> I- Giải quyết tranh chấp lao động II- Đình công	4,5	2,5	2
<b>Chương 10: Vai trò Công Đoàn đối với việc quản trị quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường</b> I- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Công Đoàn. II- Thẩm quyền của Công Đoàn.	2	2	
<b>Chương 11: Quản lý nhà nước về lao động trong nền kinh tế thị trường</b> I- Quản lý nhà nước về lao động. II- Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động. III- Thanh tra nhà nước về lao động.	2,5	2,5	
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>27</b>	<b>18</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Diệp Thành Nguyên, *Giáo trình luật lao động cơ bản*, Nxb Đại học Cần Thơ.
2. Bùi Thị Kim Ngân (2013), *Luật lao động Việt Nam-mục đích, yêu cầu, các câu hỏi tình huống*, Nxb Hồng Đức.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật đất đai
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Môn Luật Đất đai là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Với mục tiêu trang bị cho sv những kiến thức pháp luật về đất đai, môn học giúp cho sv có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đất đai với các môn học khác. Sự hiểu biết qui định của pháp luật về các thủ tục hành chính về đất đai, quyền của người sử dụng đất, thẩm quyền hành chính và tư pháp trong giải quyết tranh chấp về đất đai, việc bồi thường giải tỏa... sẽ giúp cho sv có thể sử dụng pháp luật không những bảo vệ hữu hiệu lợi ích chính đáng của mình, mà còn có thể vận dụng tốt trong các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành, bởi lẽ với chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế hiện nay, thì nhu cầu tìm hiểu pháp luật về đất đai đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của người dân, đặc biệt đối với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, cũng như người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

### 8. Mục tiêu học phần:

Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chủ yếu sau:

- Lý luận chung về Luật Đất đai.
- Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai
- Chế độ quản lý nhà nước và điều phối về đất đai.
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất
- Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái niệm về Luật Đất đai</b> I. Chế độ sở hữu đất đai và nhiệm vụ của Luật Đất đai II. Định nghĩa Luật Đất đai, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Đất đai III. Các nguyên tắc của Luật Đất đai IV. Nguồn của Luật Đất đai	4	4	0
<b>Chương 2: Quan hệ pháp luật đất đai</b> I. Khái niệm II. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật đất đai	3	3	0
<b>Chương 3: Hoạt động quản lý nhà nước về đất đai</b> I. Quản lý địa giới hành chính II. Khảo sát, đo đạc đất đai III. Quản lý hồ sơ địa chính và đăng ký quyền sử dụng đất IV. Thống kê, kiểm kê đất đai V. Hoạt động đánh giá đất và quản lý tài chính về đất đai	4	4	0
<b>Chương 4: Điều phối đất đai cụ thể</b> I. Khái niệm II. Các hoạt động điều phối đất đai	10	5	5
<b>Chương 5: Quyền của người sử dụng đất</b> I. Quyền chung của người sử dụng đất	9	6	4

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
II. Quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất III. Quyền giao khoán đất IV. Quyền giao dịch về quyền sử dụng đất			
<b>Chương 6: Nghĩa vụ của người sử dụng đất</b> I. Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất II. Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất	9	7	2
<b>Chương 7: Hoạt động thanh tra, xử lý hành vi vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai</b> I. Thanh tra đất đai II. Xử lý vi phạm III. Giải quyết tranh chấp IV. Giải quyết khiếu nại	6	3	3
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### **10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Trần Quang Huy (2012), *Giáo trình Luật đất đai*, Nxb. Công an nhân dân.
2. *Tìm hiểu nội dung cơ bản của Luật đất đai mới (2004)*, Nxb. Lao động xã hội.
3. Nguyễn Đình Bông (2012), *Quản lý đất đai ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật tài chính
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (22 tiết); thực hành (8 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

*Điều kiện tiên quyết:* Luật hành chính, Luật hiến pháp, Luật dân sự, Luật thương mại

Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và sử dụng ngân sách nhà nước, gồm những nội dung chính sau: tổng quan luật ngân sách và mối liên hệ với tài chính công đương đại, cấu trúc ngân sách nhà nước, quy định về lập, chấp hành, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách nhà nước và nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan nhà nước các cấp trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Môn học này được thiết kế thành 2 tín chỉ và 8 buổi học, kết hợp giữa giảng bài truyền thống với thảo luận, thực hiện tương tác giữa người dạy và người học qua việc nghiên cứu tình huống, thuyết trình, phản biện của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

### 8. Mục tiêu học phần:

Kết thúc môn học này, sinh viên được trang bị đủ các yếu tố sau:

- Về phần lý luận:** môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về Luật Ngân sách nhà nước, bắt đầu từ việc tìm hiểu vấn đề nền tảng liên quan đến tài chính công với ngân sách nhà nước nói chung, sau đó sinh viên sẽ được tiếp cận tới phần kiến thức chính yếu của ngân sách nhà nước gồm: cấu trúc hệ thống ngân sách; tổ chức hệ thống ngân sách; quy trình lập dự toán ngân sách; quản lý quỹ ngân sách và cuối cùng là các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật ngân sách.
- Về kỹ năng:** thông qua cách thức phân tích tình huống, sinh viên củng cố lại lý thuyết đồng thời rèn luyện các kỹ năng phản biện, thuyết trình, kỹ thuật áp dụng pháp luật. Với những đáp án tìm được dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, sinh viên sẽ đánh giá được hiện trạng sử dụng và quản lý ngân sách từ phía các cơ quan nhà nước, với những kỹ thuật và trải nghiệm trong quá trình học, sinh viên có thể tự tin thực thi hoặc tư vấn cho các chủ thể những vấn đề liên quan tới ngân sách nhà nước.
- Về thái độ:** khả năng độc lập đánh giá các chính sách liên quan tới khu vực tài chính công, với hệ thống kiến thức được trang bị tương đối đầy đủ người học sẽ hình thành được các hành vi đúng đắn và chuẩn mực khi được tiếp cận, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về Luật Ngân sách nhà nước</b> - Giới thiệu môn học - Một số vấn đề cơ bản của Luật Ngân sách NN; - Mối liên hệ giữa Luật Ngân sách NN với nền tài chính công đương đại.	7	5	2
<b>Chương 2: Tổ chức hệ thống ngân sách ở VN</b> - Lịch sử tổ chức NS ở VN; - Nội dung phân cấp tài chính; - Thẩm quyền phân cấp tài chính.	7	5	2



<b>Chương 3: Trình tự lập dự toán ngân sách nhà nước</b> - Thẩm quyền lập dự toán ngân sách NN; - Trình tự, thủ tục lập dự toán ngân sách NN.	4	3	1
<b>Chương 4: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước</b> - Chấp hành ngân sách nhà nước; - Quyết toán ngân sách nhà nước.	4	3	1
<b>Chương 5: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước</b> - Các chủ thể có thẩm quyền quản lý quỹ ngân sách nhà nước; - Chế độ quản lý quỹ ngân sách nhà nước.	4	3	1
<b>Chương 6: Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước</b> - Phân loại vi phạm pháp luật về ngân sách NN; - Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước	4	3	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>8</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Tuyên (2014), *Giáo trình Luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân.
2. *Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Hồng Đức.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thuế
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**
  - Khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế.
  - Bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế.
  - Các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt nam.
  - Vai trò, mục tiêu của các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam.
  - Những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu - nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
  - Nội dung quy định của pháp luật đối với các sắc thuế nêu trên.
  - Chế độ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật thuế.
- Mục tiêu học phần:**

Môn Luật Thuế trang bị kiến thức lý luận cơ bản về thuế, hiểu và nắm bắt đúng các khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm... trong từng sắc thuế. Ngoài ra, môn học này giúp sv nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế. Sau khi học xong môn luật thuế, sv sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc văn bản luật nhằm áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng pháp luật. Mục đích của môn luật thuế giúp sv có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.
- Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Lý luận chung về thuế và pháp luật Việt Nam</b> 1. Khái quát chung về thuế 1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế 1.2. Vai trò của thuế 1.3. Phân loại thuế. 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế 2.1. Khái niệm pháp luật thuế 2.2. Những nội dung cơ bản của một đạo luật thuế	9	6	3
<b>Chương 2: Pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ</b> 1. Giới thiệu chung về pháp luật thuế hàng hóa, dịch vụ 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò của cả ba loại thuế 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế hàng hóa, dịch vụ 2.1. Pháp luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.2. Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt 2.3. Pháp luật thuế giá trị gia tăng	9	6	3

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
2.4. Pháp luật thuế bảo vệ môi trường			
<b>Chương 3: Pháp luật thuế thu vào thu nhập</b> 1. Khái quát chung về thuế thu vào thu nhập 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu vào thu nhập 2.1. Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2.2. Pháp luật thuế thu nhập cá nhân	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>3</b>
<b>Chương 4: Pháp luật thuế thu vào hành vi sử dụng một số tài sản nhà nước</b> 1. Khái quát chung về thuế sử dụng một số tài sản của nhà nước 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm chung 1.3. Vai trò 2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế sử dụng một số tài sản của nhà nước 2.1. Pháp luật thuế sử dụng đất nông nghiệp 2.2. Pháp luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2.3. Pháp luật thuế tài nguyên	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>3</b>
<b>Chương 5: Pháp luật về quản lý thuế</b> 1. Khái quát chung về quản lý thuế 1.1. Khái niệm quản lý thuế 1.2. Đặc điểm của quản lý thuế 1.3. Nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế 2. Nội dung của hoạt động quản lý thuế 2.1. Đăng ký, kê khai, tính thuế, ấn định thuế, nộp thuế 2.2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt 2.3. Quản lý thông tin về người nộp thuế 2.4. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế 2.5. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế 2.6. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>3</b>
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phan Hiền Minh (2009), *Giáo trình thuế (ngành vụ và bài tập)*, Nxb. Thống kê.
2. Nguyễn Thị Mỹ Linh (2012), *Thuế (đã cập nhật bổ sung toàn bộ các luật thuế mới hiện hành)*, Nxb. Kinh tế.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật ngân hàng
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (25 tiết); thực hành (5 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Môn học sẽ bao gồm 6 chương:

Chương I. Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng và pháp luật ngân hàng

Chương II. Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước

Chương III. Địa vị pháp lý của Tổ chức tín dụng

Chương IV. Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và Ngoại hối

Chương V. Pháp luật về tín dụng

Chương VI. Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

### 8. Mục tiêu học phần:

\* **Nhận thức:** Sinh viên phải hiểu và nắm được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng, nhận diện và hiểu được các khái niệm cơ bản về ngân hàng và các nghiệp vụ ngân hàng, các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của luật ngân hàng, có được kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động ngân hàng.

\* **Kỹ năng:** Sinh viên phải hình thành và phát triển năng lực tìm kiếm, thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin liên quan về pháp luật ngân hàng và hệ thống pháp luật có liên quan để áp dụng vào những tình huống, vụ việc phát sinh; áp dụng đúng pháp luật để giải quyết những tình huống, vụ việc liên quan đến hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ thanh toán và các hoạt động khác trong lĩnh vực ngân hàng, biết phân tích, bình luận và góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng.

\* **Thái độ:** Sinh viên có thể tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực ngân hàng, tích cực nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động ngân hàng và chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích vào giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn.

### 9. Nội dung học phần:

Tên chương/ phần	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương I. Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng và pháp luật ngân hàng.</b> 1. Khái quát về ngân hàng và hoạt động ngân hàng. 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của NH và hoạt động NH 1.2. Khái niệm, đặc điểm hoạt động NH 1.2.1 Khái niệm hoạt động NH 1.2.2 Đặc điểm của hoạt động NH 2. Khái quát về luật ngân hàng 2.1. Khái niệm Luật Ngân hàng 2.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật NH, các tiêu chí phân loại đối tượng điều chỉnh của Luật NH 2.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật NH 2.4. Nguồn của Luật NH 3. Quan hệ pháp luật ngân hàng 3.1. Khái niệm quan hệ pháp luật NH	3	3	0

Tên chương/ phần	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
3.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật NH 3.3. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật NH			
<b>Chương II. Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước</b> 1. Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước. 1.1. Khái niệm Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.2. Chức năng của NHNNVN 1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn NHNNVN 2. Cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và điều hành của NH Nhà nước 2.1. Cơ cấu tổ chức 2.2. Cơ cấu lãnh đạo, điều hành NHNNVN 3. Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước 3.1. Xây dựng dự án và tổ chức thực hiện chsách tiền tệ quốc gia 3.2. Hoạt động phát hành tiền 3.3. Hoạt động tín dụng 3.4. Hoạt động mở tài khoản và cung ứng các dvụ thanh toán 3.5. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối 3.6. Thanh tra kiểm soát, xử lý vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và hoạt động NH 3.7. Các hoạt động khác	6	5	1
<b>Chương III. Địa vị pháp lý của Tổ chức tín dụng</b> 1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại các tổ chức tín dụng 1.1. Khái niệm, đặc điểm TCTD 1.2. Phân loại các tổ chức tín dụng 1.2.1 Theo phạm vi, lĩnh vực hoạt động 1.2.2 Theo hình thức pháp lý 2. Thủ tục thành lập, điều kiện hoạt động, giải thể, phá sản các tín dụng sáp nhập hợp nhất, chia tách TCTD 2.1. Thủ tục thành lập 2.2. Điều kiện hoạt động đối với TCTD 2.3. Quy chế kiểm soát đặc biệt 2.4. Thủ tục phá sản, giải thể 3. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát TCTD 3.1. Cơ cấu tổ chức 3.2. Cơ cấu quản lý, điều hành, kiểm soát TCTD 4. Hoạt động của TCTD 4.1. Hoạt động tín dụng. 4.2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ. 4.3. Hoạt động kinh doanh ngoại hối. 4.4. Các hoạt động khác	6	5	1
<b>Chương IV. Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và Ngoại hối</b> 1. Quản lý nhà nước về tiền tệ 1.1. Tổng quan về tiền tệ: 1.2. Quản lý nhà nước về tiền tệ. 2. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2.1. Khái niệm ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2.2. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối	3	2	1
<b>Chương V. Pháp luật về tín dụng</b> 1. Khái quát về tín dụng ngân hàng. 1.1. Khái niệm tín dụng và các loại hình tín dụng 1.2. Khái quát về hoạt động cấp tín dụng của các TCTD 2. Chế độ pháp lý về hoạt động cho vay. 2.1. Khái niệm về hoạt động cho vay.	6	5	1

Tên chương/ phần	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
2.2. Nguyên tắc của hoạt động cho vay. 2.3. Chế độ pháp lý về hợp đồng tín dụng ngân hàng. 2.4. Pháp luật về các biện pháp bảo đảm tiền vay 3. Chế độ pháp lý về cho thuê tài chính, hoạt động chiết khấu, bảo lãnh Ngân hàng, bao thanh toán 3.1. Cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính 3.2. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh NH 3.3. Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán 3.4. Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá, các công cụ chuyển nhượng			
<b>Chương VI. Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán</b> 1. Khái niệm dịch vụ thanh toán 1.1 Khái niệm dịch vụ thanh toán 1.2 Khái niệm và đặc điểm của thanh toán không dùng tiền mặt. 2. Qui chế pháp lý về tài khoản thanh toán 2.1. Khái niệm tài khoản thanh toán, phân loại tài khoản. 2.2. Các chủ thể tham gia quan hệ cung ứng dịch vụ thanh toán. 2.3. Trình tự, thủ tục mở, đóng tài khoản thanh toán. 2.4. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ tài khoản thanh toán 3. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán 3.1. Chế độ pháp lý về phương thức thanh toán bằng séc 3.2. Chế độ pháp lý về thanh toán bằng thư tín dụng. 3.3. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi - lệnh chuyển tiền. 3.4. Thanh toán bằng thẻ NH 3.5. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu.	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>1</b>
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>5</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Vân (2015), *Giáo trình Luật ngân hàng*, Nxb. Hồng Đức.
2. Trần Vũ Hải (2010), *Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam: dùng trong các trường đại học chuyên ngành luật, ngân hàng, kinh tế*, Nxb. Giáo dục.
3. Hoàng Trung Hiếu (1999), *Hỏi đáp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp*, Nxb. Thống kê.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật thương mại quốc tế
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Nhằm cung cấp cho sv hệ thống kiến thức hoàn chỉnh về thương mại quốc tế cả ở góc độ thương mại quốc tế công và thương mại quốc tế tư, môn học Luật thương mại quốc tế bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Khái quát về Luật thương mại quốc tế
- Quy chế thương mại hàng hóa
- Quy chế thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
- Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia
- Hợp đồng thương mại quốc tế
- Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các thương nhân
- Các thiết chế thương mại
- Quy chế thương mại dịch vụ
- Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

### 8. Mục tiêu học phần:

**Về kiến thức:** Môn học Luật thương mại quốc tế trang bị cho sv những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc, quy định vận hành hoạt động thương mại quốc tế đồng thời nắm vững những vấn đề pháp lý chủ yếu liên quan đến các hợp đồng thương mại quốc tế cùng các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ đó.

**Về kỹ năng:** Sinh viên có cách tiếp cận đa chiều về hệ thống thương mại quốc tế. Sv cũng có khả năng tư vấn, soạn thảo, điều chỉnh các nội dung pháp lý cơ bản trong các loại hợp đồng thương mại quốc tế.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về Luật thương mại quốc tế</b> 1. Tổng quan về thương mại quốc tế 2. Chủ thể của Luật thương mại quốc tế 3. Nguồn của Luật thương mại quốc tế 4. Nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại quốc tế	4	4	
<b>Chương 2: Các thiết chế thương mại</b> 1. Các thiết chế thương mại trên thế giới 2. Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) 3. Một số thiết chế thương mại khu vực	4	4	
<b>Chương 3: Quy chế thương mại hàng hóa</b> 1. Thuế quan 2. Các rào cản phi quan thuế 3. Các biện pháp phòng vệ thương mại; 4. Một số lĩnh vực đặc thù	8	4	4
<b>Chương 4: Quy chế thương mại dịch vụ</b> 1. Khái quát về thương mại dịch vụ 2. Các phương thức cung ứng dịch vụ 3. Điều chỉnh pháp lý với một số ngành dịch vụ quan trọng	4	2	2
<b>Chương 5: Quy chế thương mại của quyền sở hữu trí tuệ</b> 1. Điều chỉnh đối với quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế 2. Các quy chuẩn bảo hộ tối thiểu	4	2	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
3. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 4. Những vấn đề tồn tại			
<b>Chương 6: Giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia</b> 1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại của các quốc gia 2. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO 3. Cơ quan giải quyết tranh chấp WTO 4. Thủ tục giải quyết tranh chấp WTO	4	2	2
<b>Chương 7: Hợp đồng thương mại quốc tế</b> 1. Khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế 2. Một số vấn đề pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế 3. Phân loại hợp đồng thương mại quốc tế.	4	4	
<b>Chương 8: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế</b> 1. Tổng quan về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 2. Nguồn điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. 3. Các điều khoản cơ bản; 4. Những vấn đề pháp lý chủ yếu.	8	4	4
<b>Chương 9: Giải quyết tranh chấp giữa các thương nhân</b> 1. Tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế. 2. Giải quyết tranh chấp bằng phương thức tòa án 3. Giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài	4	4	
Ôn Tập	1		1
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Trần Việt Dũng (2014), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, Nxb. Hồng Đức.
2. Ngô Hữu Phước (2014), *Các Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài: Phục vụ học tập, nghiên cứu luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự, luật quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, Nxb. Hồng Đức.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật sở hữu trí tuệ
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.

### 8. Mục tiêu học phần:

**Về kiến thức:** Giúp người học có hiểu biết một cách đầy đủ về các khái niệm, đặc điểm, bản chất, vai trò của sở hữu trí tuệ.

**Về kỹ năng:** Phân biệt được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Biết được các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc theo các điều ước quốc tế.

**Về nhận thức:** Có nhận thức và thái độ, hành vi đúng đắn về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ trong cuộc sống. Có ý thức chấp hành tốt các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo lợi ích cá nhân, quyền và lợi ích chung của nhà nước và xã hội.

### 9. Nội dung học phần:

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về sở hữu trí tuệ</b> 1. Khái niệm và đặc điểm sở hữu trí tuệ 2. Khái niệm và đặc điểm về quyền sở hữu trí tuệ 3. Đối tượng của quyền SHTT; 4. Chủ thể của quyền SHTT 5. Pháp luật về quyền SHTT ở VN; 6. Pháp luật quốc tế về SHTT	5	4	1
<b>Chương 2: Quyền tác giả, quyền liên quan và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan</b> 1. Quyền tác giả; 2. Quyền liên quan	10	6	4
<b>Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp</b> 1. Quyền SHCN về sáng chế 2. Quyền SHCN đối với kiểu dáng công nghiệp 3. Quyền SHCN đối với Nhãn hiệu hàng hóa 4. Quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý 5. Quyền SHCN đối với tên thương mại 6. Quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 7. Quyền SHCN đối với Bí mật kinh doanh	15	10	5
<b>Chương 4: Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</b> 1. Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	10	7	3

<b>Tên chương</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
2. Chuyển nhượng đối tượng sử dụng SHCN			
<b>Chương 5: Quyền với giống cây trồng và bảo hộ quyền với giống cây trồng</b> 1. Khái niệm và đặc điểm 2. Nội dung của quyền SHCN về kiểu dáng công nghiệp 3. Giới hạn quyền đối với giống cây trồng	5	3	2
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### **10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Lê Nét – Nguyễn Xuân Quang (2015), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Nxb. Hồng Đức.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật cạnh tranh
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Luật cạnh tranh là môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Môn học được kết cấu bởi những nội dung chính sau: Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

#### 8. Mục tiêu học phần

- Về kiến thức**  
Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh  
Hiểu được nội dung các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh  
Hiểu được thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh
- Về kỹ năng**  
Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể.  
Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh.  
Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường từ đó đưa ra phương hướng giải quyết.  
Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định.
- Về thái độ**  
Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường.  
Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh.

#### 9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
<b>Chương 1. Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh</b> 1.1. Khái quát về cạnh tranh 1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cạnh tranh 1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam	3	3	
<b>Chương 2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh</b> 2.1. Xác định thị trường liên quan 2.2. Sức mạnh thị trường	3	2	1
<b>Chương 3. Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</b> 3.1. Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh 3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo LCT VN	4	3	1
<b>Chương 4. Pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền</b> 4.1. Khái quát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, độc quyền 4.2. Quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo luật cạnh tranh hiện hành	3	2	1

<b>Tên chương</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>TL /bài tập</b>
<b>Chương 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế</b> 5.1. Khái quát về tập trung kinh tế 5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam	3	1	2
<b>Chương 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh</b> 6.1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh 6.2. Quy định của pháp luật VN về hành vi cạnh tranh không lành mạnh: 6.2.1. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn 6.2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh 6.2.3. Ép buộc trong kinh doanh 6.2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác 6.2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác 6.2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh 6.2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh 6.2.8. Phân biệt đối xử của hiệp hội 6.2.9. Bán hàng đa cấp bất chính	6	4	2
<b>Chương 7. Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</b> 7.1. Tổ tụng cạnh tranh 7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	6	4	2
<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	2	2	
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### **10. Tài liệu tham khảo**

1. Lê Danh Vĩnh (2010), *Giáo trình Luật cạnh tranh*, Nxb. Đại học quốc gia.
2. Phạm Hoài Huân – Nhữ Ngọc Tiến (2013), *Pháp luật chống lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh về giá (sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
3. Tôn Thất Nguyễn Thiêm (2004), *Thị trường, chiến lược, cơ cấu: cạnh tranh về giá trị gia tăng, định vị và phát triển doanh nghiệp*, Nxb. TP.HCM.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật môi trường
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Trang bị những kiến thức về nội dung cơ bản của Luật Môi trường Việt Nam. Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật về môi trường, như: pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn di sản và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; về các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

Trang bị những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

### 8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Luật Môi trường, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh,...

Đây là một trong những điều kiện có tính tiên quyết làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành về Luật Kinh tế.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
<b>Bài 1: Khái niệm Luật Môi trường</b> 1. Khái niệm Luật Môi trường; 2. Khái quát sự hình thành và phát triển của Luật MT VN; 3. Nguồn của Luật Môi trường 4. Các nguyên tắc của Luật Môi trường	2	2	
<b>Bài 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường</b> 1. Một số khái niệm 1.1. Ô nhiễm môi trường 1.2. Suy thoái môi trường 1.3. Sự cố môi trường 1.4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường 2. Các hình thức pháp lý của kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường 2.1. Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường 2.2. Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường; 2.3. Quan trắc và thông tin về môi trường 2.4. Quản lý chất thải; 2.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; 2.6. Khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường	6	4	
<b>Bài 3: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường</b>	5	3	

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
1. Kiểm soát ô nhiễm không khí 1.1. Không khí và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 1.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 1.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát ô nhiễm không khí 2. Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 2.1. Nước và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 2.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 2.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước			
<b>Bài 4: Pháp luật về kiểm soát suy thoái môi trường</b> 1. Kiểm soát suy thoái đất Tài nguyên đất và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 1.1. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất 1.2. Xử lý vi phạm về tài nguyên đất 2. Kiểm soát suy thoái rừng 2.1. Rừng và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 2.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng 2.3. Xử lý vi phạm về kiểm soát suy thoái rừng 3. Kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh 3.1. Nguồn thủy sinh và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 3.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh 3.3. Xử lý vi phạm về bảo vệ nguồn thủy sinh	5	3	
<b>Bài 5: Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt tới môi trường</b> 1. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học 1.1. Khái niệm và vai trò của đa dạng sinh học 1.2. Cấu thành chủ yếu của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học 2. Kiểm soát nguồn gen 2.1. Hoạt động kiểm soát nguồn gen 2.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát nguồn gen 3. Kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt đến môi trường 3.1. Kiểm soát hoạt động khoáng sản; 3.2. Kiểm soát hoạt động dầu khí 3.3. Kiểm soát hoạt động xuất-nhập khẩu; 3.4. Kiểm soát hoạt động du lịch	5	3	
<b>Bài 6: Pháp luật về bảo tồn di sản và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên</b> 1. Pháp luật về bảo tồn Di sản 1.1. Khái niệm Di sản văn hóa 1.2. Di sản văn hóa liên quan trực tiếp đến môi trường và những dạng thể của nó trong pháp luật Việt Nam 1.3. Quy định của pháp luật về công nhận và bảo vệ di sản văn hóa vật thể có liên quan đến môi trường 1.4. Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo tồn di sản	7	5	

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
2. Pháp luật về bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên 2.1. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ 2.2. Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư 2.3. Bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác 3. Trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ mình trước thiên nhiên 3.1. Vệ sinh nơi công cộng; 3.2. Vệ sinh môi trường sống 3.3. Vệ sinh cá nhân; 3.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm			
<b>Bài 7: Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo; và bồi thường thiệt hại về môi trường</b> 1. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường 1.1. Thanh tra bảo vệ môi trường; 1.2. Xử lý vi phạm; 1.3. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường 2. Giải quyết tranh chấp môi trường 2.1. Khái niệm tranh chấp môi trường; 2.2. Các nguyên tắc cơ bản; 2.3. Phương thức giải quyết; 2.4. Trình tự giải quyết 3. Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường 3.1. Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại 3.2. Giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường 3.3. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	8	5	
<b>Bài 8: Pháp luật Quốc tế về môi trường và vấn đề thực thi tại Việt Nam</b> 1. Pháp luật Quốc tế về môi trường 1.1. Nguồn của Luật Quốc tế về Môi trường 1.2. Vai trò của các tổ chức qtế trong việc bảo vệ môi trường 2. Vấn đề thực thi pháp luật qtế về môi trường tại Việt Nam 2.1. Hợp tác toàn cầu và hợp tác khu vực 2.2. Các quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam phát sinh từ các Công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 2.3. Vấn đề thực thi các nghĩa vụ cơ bản trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam 2.4. Vấn đề thực thi các nghĩa vụ cơ bản phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia./.	7	5	
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Lê Hồng Hạnh (2004), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. Công an nhân dân.
2. Lê Hồng Hạnh – Vũ Thu Hạnh (2015), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. Công an nhân dân.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật Hôn nhân gia đình
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (20 tiết); thực hành (10 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

Người học được thực hành các nội dung trên bằng việc thảo luận, giải quyết các tình huống phát sinh thực tế.

### 8. Mục tiêu học phần

#### ▪ Về kiến thức

Hiểu được mối quan hệ giữa pháp luật hôn nhân gia đình với các quan hệ pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

Nắm bắt được các kiến thức về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; những quy định pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình; nắm được sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; tìm hiểu về các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam như: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

#### ▪ Về kỹ năng

Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật dân sự liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;

Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;

Góp phần nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo, khả năng thuyết trình.

#### ▪ Về thái độ

Tôn trọng pháp luật và những nguyên tắc trong quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình;

Nâng cao ý thức học tập, nghiên cứu khoa học và tinh thần không ngừng học hỏi.

### 9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Tl /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về Luật Hôn nhân - gia đình</b> - Khái niệm và đặc điểm của hôn nhân – gia đình - Khái niệm Luật Hôn nhân – gia đình - Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân – gia đình	3	2	1
<b>Chương 2: Quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình</b> - Khái niệm và đặc điểm quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình - Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình - Thực hiện và bảo vệ quyền, nghĩa vụ về hôn nhân gia đình - Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp	5	3	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Tl /bài tập
luật hôn nhân gia đình			
<b>Chương 3: Kết hôn</b> - Kết hôn - Kết hôn trái pháp luật - Không công nhận quan hệ vợ chồng	5	3	2
<b>Chương 4: Quan hệ giữa vợ - chồng</b> - Khái niệm - Nghĩa vụ và quyền nhân thân giữa vợ - chồng - Nghĩa vụ và quyền tài sản giữa vợ - chồng	5	3	1
<b>Chương 5: Quan hệ giữa cha mẹ - con</b> - Căn cứ làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con - Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ - con - Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình	4	2	2
<b>Chương 6: Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên</b> - Khái niệm và phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng - Phương thức cấp dưỡng -Các trường hợp cấp dưỡng - Thay đổi, tạm ngưng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng	2	2	0
<b>Chương 7: Chấm dứt hôn nhân</b> - Một trong hai bên vợ chồng chết - Ly hôn	2	2	0
<b>Chương 8: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài</b> - Khái quát về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài - Quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài - Quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài	2	2	0
Ôn tập	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

#### 10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Tiến (2015), *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.
2. Minh Ngọc (2015), *Luật hôn nhân và gia đình 2014 – sưu tầm và giới thiệu*, Nxb. Lao động.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật ngân sách nhà nước
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (22 tiết); thực hành (8 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Là môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến tổ chức và sử dụng ngân sách nhà nước, gồm những nội dung chính sau: tổng quan luật ngân sách và mối liên hệ với tài chính công đương đại, cấu trúc ngân sách nhà nước, quy định về lập, chấp hành, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán ngân sách nhà nước và nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan nhà nước các cấp trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Môn học này được thiết kế thành 2 tín chỉ và 8 buổi học, kết hợp giữa giảng bài truyền thống với thảo luận, thực hiện tương tác giữa người dạy và người học qua việc nghiên cứu tình huống, thuyết trình, phản biện của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

### 8. Mục tiêu học phần:

Kết thúc môn học này, sinh viên được trang bị đủ các yếu tố sau:

- Về phần lý luận:** môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về Luật Ngân sách nhà nước, bắt đầu từ việc tìm hiểu vấn đề nền tảng liên quan đến tài chính công với ngân sách nhà nước nói chung, sau đó sinh viên sẽ được tiếp cận tới phần kiến thức chính yếu của ngân sách nhà nước gồm: cấu trúc hệ thống ngân sách; tổ chức hệ thống ngân sách; quy trình lập dự toán ngân sách; quản lý quỹ ngân sách và cuối cùng là các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật ngân sách.
- Về kỹ năng:** thông qua cách thức phân tích tình huống, sinh viên củng cố lại lý thuyết đồng thời rèn luyện các kỹ năng phản biện, thuyết trình, kỹ thuật áp dụng pháp luật. Với những đáp án tìm được dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, sinh viên sẽ đánh giá được hiện trạng sử dụng và quản lý ngân sách từ phía các cơ quan nhà nước, với những kỹ thuật và trải nghiệm trong quá trình học, sinh viên có thể tự tin thực thi hoặc tư vấn cho các chủ thể những vấn đề liên quan tới ngân sách nhà nước.
- Về thái độ:** khả năng độc lập đánh giá các chính sách liên quan tới khu vực tài chính công, với hệ thống kiến thức được trang bị tương đối đầy đủ người học sẽ hình thành được các hành vi đúng đắn và chuẩn mực khi được tiếp cận, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về Luật Ngân sách nhà nước</b> - Giới thiệu môn học - Một số vấn đề cơ bản của Luật Ngân sách NN; - Mối liên hệ giữa Luật Ngân sách NN với nền tài chính công đương đại.	7	5	2
<b>Chương 2: Tổ chức hệ thống ngân sách ở VN</b> - Lịch sử tổ chức NS ở VN; - Nội dung phân cấp tài chính; - Thẩm quyền phân cấp tài chính.	7	5	2

<b>Chương 3: Trình tự lập dự toán ngân sách nhà nước</b> - Thẩm quyền lập dự toán ngân sách NN; - Trình tự, thủ tục lập dự toán ngân sách NN.	4	3	1
<b>Chương 4: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước</b> - Chấp hành ngân sách nhà nước; - Quyết toán ngân sách nhà nước.	4	3	1
<b>Chương 5: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước</b> - Các chủ thể có thẩm quyền quản lý quỹ ngân sách nhà nước; - Chế độ quản lý quỹ ngân sách nhà nước.	4	3	1
<b>Chương 6: Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước</b> - Phân loại vi phạm pháp luật về ngân sách NN; - Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật ngân sách nhà nước	4	3	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>8</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Tuyển (2014), *Giáo trình Luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân.
2. *Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Hồng Đức.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật kinh doanh bảo hiểm
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (17 tiết); thực hành (13 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Nội dung môn học Luật kinh doanh bảo hiểm bao gồm những vấn đề sau đây:

- Lý luận cơ bản về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm
- Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm.
- Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm
- Pháp luật về bảo hiểm tài sản
- Pháp luật về bảo hiểm con người
- Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự

### 8. Mục tiêu học phần

#### ▪ Về Kiến thức

Luật kinh doanh bảo hiểm cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

#### ▪ Về Kỹ năng

Nhận diện được bản chất, đặc thù của các loại bảo hiểm, bản chất, đặc thù của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Tự soạn thảo hoặc tư vấn soạn thảo hợp đồng bảo hiểm, tự bảo vệ quyền lợi hoặc tư vấn bảo vệ quyền lợi trong quan hệ bảo hiểm.

### 9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
<b>Chương 1: Lý luận cơ bản về Kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm:</b> 1. Những vấn đề về kinh doanh bảo hiểm. 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm	3	2	1
<b>Chương 2: Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm</b> 1. Doanh nghiệp bảo hiểm 2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm 3. Đại lý bảo hiểm	5	3	2
<b>Chương 3: Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm</b> 1. Khái niệm, phân loại hợp đồng bảo hiểm. 2. Nội dung hợp đồng bảo hiểm 3. Giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm 4. Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và phương thức giải quyết	5	3	2
<b>Chương 4: Pháp luật về bảo hiểm tài sản</b> 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm tài sản 2. Phân loại bảo hiểm tài sản 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm tài sản	5	3	2

<b>Tên chương</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>TL /bài tập</b>
4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm tài sản			
<b>Chương 5: Pháp luật về bảo hiểm con người</b> 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm con người 2. Phân loại bảo hiểm con người 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm con người 4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm con người	5	3	2
<b>Chương 6: Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự</b> 1. Khái niệm và đặc trưng của bảo hiểm trách nhiệm dân sự 2. Phân loại bảo hiểm trách nhiệm dân sự 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự 4. Giải quyết bồi thường bảo hiểm trách nhiệm dân sự	5	3	2
Ôn tập	2		2
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>17</b>	<b>13</b>

#### **10. Tài liệu tham khảo**

- 1.
- 2.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Luật kinh doanh BĐS
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (26 tiết); thực hành (4 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Sau khi học tập môn học này, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh BĐS ở Việt Nam, đặc biệt là các quy định về điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực BĐS. Bên cạnh đó, sinh viên phải hiểu được trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh một dự án BĐS như dự án khu nhà ở, dự án khu đô thị mới, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp của doanh nghiệp từ khi làm thủ tục dự án cho đến khi chủ đầu tư đưa vào khai thác dự án, cùng với các quy định pháp lý khác có liên quan đến giao dịch BĐS qua Sàn giao dịch, qua hoạt động định giá, môi giới BĐS,... của doanh nghiệp.

### 8. Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên nắm được các nguyên tắc cơ bản trong hđộng kdoanh BĐS tại Việt Nam.
- Nghiên cứu, tìm hiểu các điều kiện áp dụng trong hoạt động kinh doanh BĐS
- Hiểu rõ được thế nào là kinh doanh BĐS và kinh doanh dịch vụ BĐS.
- Nắm rõ, soạn thảo được các loại hợp đồng, giao dịch phổ biến trong hoạt động kinh doanh BĐS

### 9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	TL/bt
<b>Chương 1: Khái quát chung về pháp luật kinh doanh bất động sản (BDS)</b> I. Khái quát chung về thị trường BĐS và pháp luật kinh doanh BĐS II. Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Luật KD BĐS III. Các nguyên tắc cơ bản của Luật KD BĐS	3	3	0
<b>Chương 2: Chủ thể kinh doanh trong thị trường BĐS</b> I. Khái niệm và phân loại hoạt động kinh doanh BĐS II. Các điều kiện áp dụng cho từng hoạt động kinh doanh BĐS	4	3	1
<b>Chương 3: Các hoạt động kinh doanh BĐS cụ thể</b> I. Kinh doanh BĐS II. Kinh doanh dịch vụ BĐS	8	7	1
<b>Chương 4: Hợp đồng trong kinh doanh BĐS và kinh doanh dịch vụ BĐS</b> I. Khái niệm và đặc điểm của các hợp đồng kinh doanh BĐS II. Các loại hợp đồng kinh doanh BĐS cụ thể	4	3	1
<b>Chương 5: Pháp luật về kinh doanh nhà ở</b> I. Quyền sở hữu nhà ở II. Các giao dịch về nhà ở	4	3	1
<b>Chương 6: Quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS</b> I. Các nội dung quản lý NN đối với hoạt động kinh doanh BĐS II. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động KD BĐS và	3	3	0

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	TL/bt
biện pháp xử lý vi phạm			
<b>Chương 7: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh BĐS</b>	3	2	1
I. Các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh BĐS II. Cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh BĐS			
Ôn tập		1	
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>26</b>	<b>4</b>

### 10. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thọ (2008), *Thẩm định giá bất động sản – lý luận và thực tiễn*, Nxb. TP.HCM.
2. *Luật Kinh doanh bất động sản* (2014), Nxb. Chính trị quốc gia.
3. Phan Thị Cúc – Nguyễn Văn Xa (2009), *Đầu tư kinh doanh bất động sản*, Nxb. Đại học quốc gia TP.HCM.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Pháp luật về xuất nhập khẩu
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (18 tiết); thực hành (12 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Môn học Pháp luật xuất nhập khẩu là môn học bắt buộc đối với chuyên ngành Luật Kinh tế. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành đào tạo để phối hợp tốt với kiến thức của các môn học khác.

Pháp luật xuất nhập khẩu điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước xoay quanh quan hệ pháp luật giữa nhà nước và các cá nhân, tổ chức thực hiện xuất nhập khẩu và giữa các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu với nhau.

### 8. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Pháp luật xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, pháp luật về xuất nhập khẩu và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu. Sinh viên sẽ có kiến thức nền tảng về quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, các phương thức thanh toán trong xuất nhập khẩu....

Về kỹ năng: Sinh viên có phương pháp tiếp cận đến các hoạt động xuất nhập khẩu phù hợp cơ chế pháp lý hiện hành. Sinh viên có khả năng tư vấn, soạn thảo tài liệu, điều hành các hoạt động xuất nhập khẩu cụ thể.

### 9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
<b>Chương 1: Khái quát về pháp luật xuất nhập khẩu</b> I. Khái niệm Pháp luật xuất nhập khẩu II. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Pháp luật xuất nhập khẩu III. Nguồn của Pháp luật xuất nhập khẩu	5	5	0
<b>Chương 2: Quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu</b> I. Khái quát về quản lý hành chính trong pháp luật xuất nhập khẩu II. Chủ thể của hoạt động xuất nhập khẩu III. Xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu	5	3	2
<b>Chương 3: Hệ thống thủ tục hải quan</b> I. Hệ thống hải quan Việt Nam II. Thủ tục hải quan III. Những thông lệ trên thế giới IV. Một số quy định đặc thù	5	3	2
<b>Chương 4: Các loại hợp đồng phổ biến trong hoạt động xuất nhập khẩu</b> I. Khái quát về hợp đồng xuất nhập khẩu II. Các loại hợp đồng trong hoạt động xuất nhập khẩu III. Những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng xuất nhập	5	3	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
khẩu			
<b>Chương 5: Thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu</b> I. Khái quát về thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu II. Những phương thức thanh toán quốc tế phổ biến. III. Những vấn đề pháp lý trong thanh toán quốc tế.	5	2	3
<b>Chương 6: Chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu</b> I. Hệ thống các chứng từ xuất nhập khẩu II. Chứng từ trong hợp đồng III. Chứng từ trong thanh toán IV. Các loại chứng từ khác	5	2	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	18	12

#### 10. Tài liệu tham khảo

1. Võ Thanh Thu (2011), *Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.
2. Đoàn Thị Hồng Vân (2013), *Quản trị xuất nhập khẩu*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- 1. Tên học phần:** Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
- 2. Số tín chỉ:** 2
- 3. Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- 4. Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- 5. Phân bổ thời gian:** lý thuyết (20 tiết); thực hành (10 tiết)
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- 7. Mô tả học phần:**

Luật chứng khoán là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Những vấn đề lý luận chung về thị trường chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về chào bán chứng khoán.
- Pháp luật về tổ chức giao dịch thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về quản lý nhà nước; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán.

**8. Mục tiêu học phần**

- Giúp cho sinh viên cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nắm vững các qui định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cho hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực mở tài khoản, mua bán chứng khoán và giải quyết các tranh chấp liên quan.

**9. Nội dung học phần**

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>TL /btập</b>
<b>Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán.</b> 1 Lý luận chung về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 1.1. Khái quát chung về chứng khoán. 1.2. Khái quát chung về thị trường chứng khoán. 2. Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2.1 Sự cần thiết phải ban hành pháp luật về thị trường chứng khoán ở VN 2.2 Quan hệ pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
<b>Chương 2. Pháp luật về chào bán chứng khoán</b> 1. Khái quát chung về chào bán chứng khoán 1.1. Khái niệm, vai trò của chào bán chứng khoán. 1.2. Các phương pháp chào bán chứng khoán. 2. Pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng. 2.1 Khái niệm, các hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng. 2.2 Nghĩa vụ của chủ thể phát hành. 3. Pháp luật về chào bán chứng khoán riêng lẻ. 3.1 Khái niệm chào bán chứng khoán riêng lẻ. 3.2 Trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán riêng lẻ. 4. Chế độ pháp lý về công ty đại chúng 4.1 Cơ sở lý luận về công ty đại chúng. 4.2 Pháp luật về công ty đại chúng.	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
<b>Chương 3. Pháp luật về tổ chức giao dịch thị trường chứng khoán</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>TL /bập</b>
1. Tổng quan về thị trường giao dịch chứng khoán. 1.1. Khái niệm, chức năng 1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán. 2. PL điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung. 2.1 Sở giao dịch chứng khoán. 2.2 Niêm yết chứng khoán và Giao dịch chứng khoán 3. Thị trường phi tập trung và PL về thị trường giao dịch phi tập trung. 3.1 Niêm yết trên thị trường phi tập trung. 3.2 Giao dịch chứng khoán. 4. Pháp luật về công bố thông tin trên TTCK			
<b>Chương 4. Pháp luật về chủ thể kinh doanh trên thị trường CK</b> 1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán. 1.1. Tổ chức, hoạt động của công ty chứng khoán. 1.2. Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. 2. Pháp luật về tổ chức, hoạt động của công ty đầu tư CK, công ty QLQ, quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát. 2.1 Công ty đầu tư CK 2.2 Công ty QLQ, Quỹ đầu tư chứng khoán. 3. Pháp luật về tổ chức lưu kí, thanh toán bù trừ chứng khoán.	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
<b>Chương 5. Pháp luật về quản lý nhà nước; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b> 1. Quản lý NN trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. 1.1. Cơ quan quản lý NN trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường CK 1.2. Hoạt động thanh tra, giám sát TTCK 2. Xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên TTCK	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

#### **10. Tài liệu tham khảo:**

1. Bùi Kim Yên (2009), *Giáo trình thị trường chứng khoán*, Nxb. Giao thông vận tải.
2. Nguyễn Thị Thu Thảo (2009), *Thị trường chứng khoán*, Nxb. Tài chính.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (20 tiết); thực hành (10 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Môn học này sẽ giới thiệu hai nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng.

Trong phần kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp sv có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Phần tiếp theo của môn học sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến phát sinh trong quá trình làm việc sau này. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau sinh viên sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến.

Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng tương ứng.

### 8. Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên làm quen, rèn luyện kỹ thuật đàm phán để thực hiện các giao dịch trong hoạt động kinh doanh của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc.
- Nắm được các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng dân sự, thương mại phát sinh trong cuộc sống hoặc trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc.
- Nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến trong hoạt động kinh doanh của cơ quan, tổ chức.
- Hình thành kỹ năng bình luận, đánh giá các điều khoản cơ bản của hợp đồng để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của việc soạn thảo hợp đồng dân sự, thương mại.

### 9. Nội dung học phần

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
<b>Bài 1: Khái quát chung về hoạt động đàm phán</b> 1. Khái niệm đàm phán hợp đồng 2. Các phương thức đàm phán hợp đồng 3. Các vấn đề cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán hợp đồng	4	4	0
<b>Bài 2: Các giai đoạn của cuộc đàm phán</b> 1. Giai đoạn chuẩn bị cho cuộc đàm phán hợp đồng 2. Giai đoạn tiến hành đàm phán hợp đồng 3. Giai đoạn kết thúc đàm phán hợp đồng	4	4	0
<b>Bài 3: Kết thúc cuộc đàm phán hợp đồng</b> 1. Xác định thời điểm kết thúc đàm phán	4	4	0

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập
2. Kiểm tra lại nội dung đã đạt được trước kết thúc đàm phán 3. Cách thức kết thúc đàm phán			
<b>Bài 4: Khái quát chung về hợp đồng và soạn thảo hợp đồng</b> 1. Khái niệm hợp đồng và các hình thức hợp đồng 2. Những vấn đề cơ bản khi soạn thảo một hợp đồng 3. Một số vấn đề hợp đồng mẫu và mẫu hợp đồng	4	3	1
<b>Bài 5: Soạn thảo hợp đồng</b> 1. Các bước tiến hành soạn thảo hợp đồng 2. Nội dung của hợp đồng 3. Hoàn tất việc ký kết hợp đồng	4	4	0
<b>Bài 6: Thực hành kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng</b> Thực hành kỹ năng đàm phán và soạn thảo một số đồng phổ biến 1. Thực hành kỹ năng đàm phán hợp đồng thuê bất động sản 2. Thực hành kỹ năng đàm phán hợp đồng mua bán hàng hóa 3. Thực hành kỹ năng soạn thảo hợp đồng thuê bất động sản 4. Thực hành kỹ năng soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa	9	0	9
Ôn tập	1	1	
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>

#### 10. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Huy Từ (2012), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh*, Trường Đại học quản lý và kinh doanh Hà Nội.
2. Lê Minh Hùng (2015), *Thời điểm giao kết hợp đồng trong pháp luật của một số nước trên thế giới, các bộ nguyên tắc quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.
3. Nguyễn Văn Dung (2009), *101 mẫu văn bản – hợp đồng trong giao dịch bất động sản*.
4. Lê Minh Hùng (2015), *Hình thức của hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức.
5. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Thi hành án dân sự
- Số tín chỉ:** 2
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (20 tiết); thực hành (10 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Sự phát triển và các quy định của pháp luật VN hiện hành về thi hành án dân sự; các quy định chung của pháp luật về thi hành án dân sự; thủ tục thi hành án dân sự; các biện pháp cưỡng chế trong quá trình thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.

### 8. Mục tiêu học phần

- Kiến thức:** Trang bị cho SV những kiến thức chuyên sâu về thi hành án dân sự theo pháp luật VN
- Kỹ năng:** Từ thực tiễn thi hành án dân sự giúp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong quá trình thi hành án dân sự; rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn.
- Thái độ, chuyên cần:** Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng.

### 9. Nội dung học phần

Tên chương	Số tiết	Lý thuyết	TL /bài tập
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự</b> 1.1. Khái niệm, vai trò và ý nghĩa của thi hành án dân sự 1.2. Khái quát chung pháp luật về thi hành án dân sự ở VN 1.3. Cơ quan có nhiệm vụ quản lý công tác và tổ chức thi hành án dân sự 1.4. Chấp hành viên, thủ trưởng cơ quan thi hành án 1.5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình thi hành án	6	4	2
<b>Chương 2: Thủ tục thi hành án dân sự</b> 2.1. Cấp bản sao bản án, quyết định của Tòa án 2.2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án 2.3. Thẩm quyền ra quyết định thi hành án 2.4. Trường hợp thủ trưởng cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án 2.5. Tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án 2.6. hoãn thi hành án 2.7. Tạm đình chỉ thi hành án 2.8. Đình chỉ thi hành án 2.9. Trả lại đơn yêu cầu thi hành án 2.10. Gửi các quyết định về thi hành án	10	4	6
<b>Chương 3: Các biện pháp cưỡng chế thi hành án</b> 3.1. Kê biên và bán đấu giá tài sản 3.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án 3.3. Trừ vào tài sản của người phải thi hành án đang do người	10	5	5

<b>Tên chương</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>TL /bài tập</b>
khác giữ 3.4. Cường chế thi hành nghĩa vụ giao vật 3.5. Cường chế thi hành nghĩa vụ giao nhà, chuyển quyền sử dụng đất 3.6. Cường chế chấm dứt hành vi trái pháp luật			
<b>Chương 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo và kháng nghị trong thi hành án, xử phạt vi phạm</b> 4.1. Khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của thủ trưởng cơ quan thi hành án, chấp hành viên 4.2. Kháng nghị quyết định thi hành án 4.3. Xử lý vi phạm	4	2	2
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>15</b>

**10. Tài liệu tham khảo:**

Chu Thị Trinh (2011), *Giáo trình thi hành án dân sự*, Trường Đại học Vinh – trung tâm đào tạo từ xa.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- 1. Tên học phần: Hoạt động minh chứng trong tố tụng dân sự**
- 2. Số tín chỉ: 3**
- 3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- 4. Ngành đào tạo: Luật kinh tế**
- 5. Phân bổ thời gian: Lý thuyết (45 tiết)**
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kinh tế - Luật**
- 7. Mô tả học phần:**

Học phần được cấu trúc thành các chương: Những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và nội dung của hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự

#### **8. Mục tiêu học phần:**

Giúp sinh viên nhận biết về vị trí của chứng cứ và chứng minh trong hoạt động tố tụng; biết được và hiểu được về chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự; phân biệt hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và các hoạt động chứng minh trong các tố tụng khác tố tụng khác (hành chính, hình sự). Từ đó có thể thực hành một số vấn đề về chứng cứ và chứng minh và có thể áp dụng trong thực tiễn.

#### **9. Nội dung học phần:**

##### **Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự.**

- 1.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự
- 1.2. Chứng cứ-công cụ của hoạt động chứng minh

##### **Chương 2: Nội dung hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự**

- 2.1. Hoạt động cung cấp chứng cứ
- 2.2. Hoạt động thu thập chứng cứ
- 2.3. Hoạt động nghiên cứu chứng cứ
- 2.4. Đánh giá chứng cứ

#### **10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Hoài Phương (2014), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.
2. Nguyễn Thị Hoài Phương (2016), *Bình luận những điểm mới trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nxb. Hồng Đức.
3. *Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng pháp luật tố tụng dân sự* (2013), Nxb. Văn hóa thông tin.

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành luật
2. Số tín chỉ: 3
3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy
4. Ngành đào tạo: Luật kinh tế
5. Phân bổ thời gian: lý thuyết (30 tiết); thực hành (10 tiết)
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kinh tế - Luật
7. Mô tả học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành Luật là một bộ môn đặc thù. Người học không chỉ cần nắm vững tiếng Anh (kiến thức ngôn ngữ), mà còn phải nắm bắt cả nội dung bài học (kiến thức chuyên ngành). Điều này đòi hỏi cả người dạy và người học phải có ý thức dạy và học cả nội dung ngôn ngữ, nội dung pháp luật, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề luật. Cụ thể là:

- Nội dung ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong 4 bài học
- Kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết
- Nội dung pháp luật: những kiến thức cơ bản về hiến pháp, sự khác nhau giữa hiến pháp thành văn và hiến pháp bất thành văn, nhà nước Mỹ, bản chất và hình thức của tổ tụng hành chính.
- Kỹ năng nghề nghiệp: xử lý văn bản pháp luật bằng tiếng Anh.

### 8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên tập cách tư duy pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, khái niệm cơ bản về luật công ty, cấu trúc vốn của công ty. Từ đó, sinh viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Lesson 1: What is law?</b> 1.1. Pre-text exercises 1.2. Learning vocabulary and grammar 1.3. What is law? 1.4. - Post-reading activities	11	8	3
<b>Lesson 2 : The Rule of Law</b> 2.1. - Pre-text exercises	12	8	4

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
2.2. - Learning vocabulary and grammar 2.3. The Rule of Law 2.4. - Post-reading activities			
<b>Lesson 3: The sanction of law</b> 3.1 - Pre-text exercises 3.2 - Learning vocabulary and grammar 3.3 The sanction of law 3.4. - Post-reading activities	11	7	4
<b>Lesson 4: The sanction of law (continued)</b> 4.1. - Pre-text exercises 4.2. - Learning vocabulary and grammar 4.3. The sanction of law (continued) 4.4. - Post-reading activities	11	7	4
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

## **10. Tài liệu tham khảo**

Lê Hồng Hạnh (2004), *Improving your Understanding Law in English*, Publishing House of National University.

## **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Tài chính doanh nghiệp
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp. Sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định. Nội dung các loại tài sản: tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn và nguồn vốn để hình thành những tài sản đó. Đồng thời, nghiên cứu những vấn đề tài chính khi sát nhập, mua lại và phá sản doanh nghiệp.

Trên cơ sở những nội dung nghiên cứu nhằm đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; là tiền đề để dự đoán và xác định quy mô các dòng tiền trong tương lai; là căn cứ để tính toán thời gian thu hồi vốn đầu tư và ra các quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

### 8. Mục tiêu học phần:

Học phần đề cập đến những nội dung cơ bản về hoạt động tài chính doanh nghiệp nhằm giúp cho sv có thể xem xét, đánh giá và vận dụng xử lý những vấn đề về tài chính doanh nghiệp trong công tác có liên quan. Đồng thời, là nền tảng để sv tiếp tục nghiên cứu sâu hơn những vấn đề quản lý tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nói chung và thực tiễn ở Việt Nam nói riêng.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp</b> 1. Doanh nghiệp 2. Tài chính doanh nghiệp 3. Các nội dung cơ bản về quản lý tài chính doanh nghiệp 4. Nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp 5. Bộ máy quản lý tài chính doanh nghiệp	5	3	2
<b>Chương 2: Chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp</b> 1. Chi phí của DN 2. Giá thành sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của DN	5	3	2
<b>Chương 3: Doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp</b> 1. Doanh thu của doanh nghiệp 2. Các loại thuế chủ yếu đối với doanh nghiệp 3. Lợi nhuận của doanh nghiệp	7	5	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
4. Phân phối và sử dụng lợi nhuận của DN			
<b>Chương 4: Tài sản dài hạn của doanh nghiệp</b> 1. Nội dung tài sản dài hạn của DN 2. Tài sản cố định của DN 3. Khấu hao tài sản cố định 4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng TSCĐ	7	5	2
<b>Chương 5: Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp</b> 1. Nội dung tài sản ngắn hạn của DN 2. Phương pháp xác định nhu cầu vốn đầu tư cho <i>Tài sản ngắn hạn thường xuyên</i> của doanh nghiệp 3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất sử dụng <i>Tài sản ngắn hạn</i> của DN	7	5	2
<b>Chương 6: Nguồn vốn của doanh nghiệp</b> 1. Tổng quan về nguồn vốn của DN 2. Phương thức tổ chức nguồn vốn của DN 3. Kế hoạch nguồn vốn của DN 4. Nguồn vốn ngắn hạn của DN 5. Nguồn vốn dài hạn của DN	7	5	2
<b>Chương 7: Những vấn đề tài chính về sáp nhập, mua lại và phá sản doanh nghiệp</b> 1. Những động lực thúc đẩy sự mua lại, sáp nhập hoặc hợp nhất DN 2. Những giải pháp tài chính khi DN lâm vào tình trạng phá sản và vấn đề tài chính khi thực hiện phá sản DN	7	4	3
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

- Phan Thị Cúc (2009), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Tài chính.
- Bùi Hữu Phước (2014), *Tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Kinh tế TP.HCM.
- Bùi Hữu Phước, *Hệ thống bài tập và bài giải tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Kinh tế TP.HCM.
- Ngô Kim Phượng, *Phân tích tài chính doanh nghiệp*, Nxb. Lao động.
- Nguyễn Minh Kiều (2011), *Tài chính doanh nghiệp căn bản: Lý thuyết và thực hành quản lý ứng dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*, Nxb. Lao động – xã hội.

#### ➤ Tài liệu tham khảo chính:

- Trần Ngọc Thơ (2005), *Tài chính doanh nghiệp hiện đại*, NXB Thống kê.

#### ➤ Tài liệu tham khảo bổ sung:

- Nguyễn Văn Thuận (2000) *Quản trị tài chính*, NXB TP HCM.
- Bùi Hữu Phước (2007) *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động xã hội.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- Tên học phần:** Tài chính quốc tế
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Học phần giới thiệu cho sv những nội dung sau:

- Tổng quan về tài chính quốc tế
- Hệ thống tiền tệ quốc tế
- Cán cân thanh toán quốc tế (The Balance Of Payment – BOP)
- Thị trường Ngoại hối (FOREX)
- Các lý thuyết về tỷ giá
- Thị trường Trái phiếu quốc tế
- Thị trường cổ phiếu quốc tế

**8. Mục tiêu học phần:**

- Hiểu và phân tích được các chính sách kinh tế mà các chính phủ có thể áp dụng để tác động đến dòng lưu chuyển tài chính quốc tế.
- Hiểu và giải thích được sự biến động của tỷ giá trong thực tế.
- Đánh giá và phân tích có phê phán các hoạt động kinh doanh, đầu tư của các nhà đầu tư.

**9. Nội dung học phần:**

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
<b>Chương 1: Tổng quan về tài chính quốc tế</b> 1. Đối tượng nghiên cứu của tài chính quốc tế: 2. Tầm quan trọng của tài chính quốc tế 2.1 Thương mại quốc tế tăng so với thương mại nội địa 2.2 Xu hướng toàn cầu hóa của thị trường tài chính		2	
<b>Chương 2 : Hệ thống tiền tệ quốc tế</b> 1. Khái niệm, vai trò hệ thống tiền tệ quốc tế (International Money System – IMS) 1.1 Khái niệm IMS 1.2 Vai trò IMS 2. Phân loại chế độ tỷ giá theo mức độ linh hoạt của tỷ giá 3. Quá trình phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế 3.1 Hệ thống song bản vị : trước 1875 3.2 Hệ thống bản vị vàng cố định : 1875 – 1914 3.3 Hệ thống Bretton Woods: 1944 – 1971 3.4 Hệ thống tiền tệ quốc tế ngày nay		4	2
<b>Chương 3: Cán cân thanh toán quốc tế (The Balance Of Payment – BOP)</b> 1. Khái niệm và nguyên tắc hạch toán cán cân thanh toán 1.1 Khái niệm và ý nghĩa: 1.2 Nguyên tắc hạch toán BOP 2. Cấu trúc cán cân thanh toán 3. Thặng dư và thâm hụt cán cân thanh toán 3.1 Thặng dư và thâm hụt cán cân thương mại 3.2 Thặng dư và thâm hụt cán cân vãng lai 4. Các yếu tố ảnh hưởng cán cân thanh toán		4	2

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
4.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân vãng lai 4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân vốn			
<b>Chương 4: Thị trường Ngoại hối (FOREX)</b> 1. Khái niệm ttrường ngoại hối 2. Các chức năng của ttrường ngoại hối 3. Các chủ thể tham gia thị trường 4. Tỷ giá và các vấn đề về tỷ giá		3	1
<b>Chương 5: Mô hình cung cầu ngoại tệ và cơ chế xd tỷ giá</b> 1. Hình thành mô hình cung cầu ngoại tệ 1.1 Hình thành đường cầu ngoại tệ 1.2 Hình thành đường cung ngoại tệ 2. Sử dụng mô hình cung cầu ngoại tệ xác định sự biến động của tỷ giá dưới sự tác động của các yếu tố 2.1 Lạm phát. 2.2 Lãi suất. 2.3 Tăng trưởng thu nhập. 2.4 Các chính sách kinh tế của chính phủ.		3	2
<b>Chương 6: Các lý thuyết về tỷ giá</b> 1. Ngang giá sức mua (PPP) 2. Ngang giá lãi suất có bảo hiểm rủi ro ngoại hối (CIP) 3. Lý thuyết kỳ vọng không thiên lệch		3	2
<b>Chương 7: Thị trường Eurocurrency</b> 1. Khái niệm thị trường Eurocurrency 2. Các đặc trưng của thị trường Eurocurrency 3. Cơ chế tạo và sử dụng Eurocurrency		3	2
<b>Chương 8: Thị trường Trái phiếu quốc tế</b> 1. Trái phiếu Eurobond và trái phiếu nước ngoài 2. Sự hình thành và phát triển thị trường Eurobond 3. Phân loại trái phiếu quốc tế 4. Lựa chọn đồng tiền phát hành		3	2
<b>Chương 9: Thị trường cổ phiếu quốc tế</b> 1. Tổng quan thị trường cổ phiếu quốc tế 2. Quốc tế hóa thị trường cổ phiếu và các công ty cổ phần 3. Quốc tế hóa thị trường cổ phiếu và các nhà đầu tư		3	2
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phan Thị Cúc (2010), *Giáo trình lý thuyết tài chính – tiền tệ*, Nxb. Thống kê.
2. Nguyễn Thị Hồng Hải (2013), *Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Nxb. Thống kê.
3. Vũ Thị Ngọc Phùng – Nguyễn Quỳnh Hoa (2007), *Giáo trình hệ thống tài khoản quốc gia SNA*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. **Tên học phần:** Kế toán doanh nghiệp
2. **Số tín chỉ:** 3
3. **Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
4. **Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
5. **Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
6. **Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
7. **Mô tả học phần:**
  - Kế toán tài chính, các nghiệp vụ của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Kế toán nguyên vật liệu & công cụ dụng cụ.
  - Kế toán tiền lương & các khoản trích theo lương.
  - Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư.
  - Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
8. **Mục tiêu học phần:**

Trang bị cho sv những kiến thức về

  - Kế toán sử dụng trong các doanh nghiệp
  - Nội dung tổ chức công tác kế toán, kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.
  - Kế toán nguyên vật liệu & công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương & các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
9. **Nội dung học phần:**

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
<b>Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.</b> 1.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. 1.1.1. Khái niệm. 1.1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán. 1.2. Tổ chức bộ máy kế toán. 1.2.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. 1.2.2. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán.	<b>9</b>	6	3
<b>Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu &amp; công cụ dụng cụ.</b> 2.1. Những vấn đề chung. 2.1.1. Khái niệm- Đặc điểm. 2.1.2. Phân loại. 2.1.3. Nhiệm vụ. 2.1.4. Đánh giá. 2.2 Kế toán nguyên vật liệu. 2.2.1. Chứng từ sử dụng. 2.2.2. Hạch toán nguyên vật liệu theo ppháp kê khai thường xuyên. 2.2.3. Hạch toán nguyên vật liệu theo ppháp kiểm kê định kỳ. 2.3 Kế toán công cụ - dụng cụ.	<b>9</b>	6	3
<b>Chương 3: Kế toán tiền lương &amp; các khoản trích theo lương</b> 3.1 Những vấn đề chung. 3.1.1. Khái niệm. 3.1.2. Nội dung quỹ tiền lương. 3.1.3. Nội dung các khoản trích theo lương. 3.1.4. Nhiệm vụ. 3.2. Hình thức tiền lương. 3.2.1. Tiền lương theo thgian. 3.2.2. Tiền lương theo sản phẩm. 3.3. Kế toán các khoản phải trả người lao động. 3.4. Kế toán các khoản trích theo lương..	<b>9</b>	6	3

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
3.5. Kế toán trích trước tiền lương nghỉ phép của nhân sản xuất.			
<b>Chương 4: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư.</b> 4.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định. 4.1.1. Khái niệm và phân loại tài sản cố định. 4.1.2. Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định. 4.1.3. Xác định giá trị của tài sản cố định. 4.2. Kế toán tăng tài sản cố định. 4.2.1. Mua sắm tài sản cố định. 4.2.2. Tự đầu tư xây dựng tài sản cố định. 4.2.3. Nhận biếu tặng tài sản cố định. 4.3. Kế toán giảm tài sản cố định. 4.3.1. Chuyển nhượng bán tài sản cố định. 4.3.2. Thanh lý tài sản cố định. 4.3.3. Cầm cố tài sản cố định. 4.4. Kế toán trao đổi tài sản cố định 4.4.1. Trao đổi tương tự. 4.4.2. Trao đổi không tương tự. 4.4.3 Sửa chữa tài sản cố định 4.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định. 4.6. Kế toán Bất động sản đầu tư. 4.6.1. Xác định giá trị của bất động sản đầu tư. 4.6.2. Kế toán mua bất động sản đầu tư. 4.6.3. Chuyển từ tài sản cố định sang bất động sản đầu tư. 4.6.4. Bán bất động sản đầu tư.	<b>9</b>	6	3
<b>Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.</b> 5.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. 5.2. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. 5.2.1. Khái niệm. 5.2.2. Chứng từ. 5.2.3. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu. 5.3. Kế toán tập hợp chi phí Nhân công trực tiếp. 5.3.1. Khái niệm. 5.3.2. Chứng từ. 5.3.3 Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.	<b>9</b>	6	3
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### 10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Trần Phước, *Giáo trình nguyên lý kế toán – Lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập và bài giải*, Nxb. Thống kê.
2. Võ Văn Nhị, *Nguyên lý kế toán*, Nxb. Giao thông vận tải.
3. Võ Văn Nhị (2012), *Bài tập kế toán tài chính*, Nxb. Phương Đông.

#### 11. Phương pháp đánh giá học phần:

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Kiểm toán đại cương
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán.

Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về kiểm toán đã được cung cấp sv có thể thực hiện kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính, bao gồm việc vận dụng các chuẩn mực kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết lập các thủ tục, trình tự kiểm toán thích hợp đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, học phần mở rộng trình bày các dịch vụ khác do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

### 8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sv những kiến thức và kỹ năng cơ bản mang tính chất nguyên lý của hoạt động kiểm toán. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể:

- Hoạch định và tổ chức công tác kiểm soát, kiểm tra kế toán trong các tổ chức.
- Hiểu được quy trình kiểm toán mang tính chuyên nghiệp.
- Có cơ sở nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kiểm toán.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về báo cáo tài chính</b> Giới thiệu các chỉ số, phương pháp tính và ý nghĩa của các chỉ số trong bản báo cáo tài chính		2	
<b>Chương 2: Tổng quan về kiểm toán và kiểm toán độc lập</b> 2.1. Định nghĩa. 2.2. Phân loại kiểm toán 2.3. Lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động kiểm toán 2.4. Vai trò của kiểm toán trong nền kinh tế. 2.5. Kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp 2.6. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính		3	
<b>Chương 3: Môi trường kiểm toán</b> 3.1. Môi trường kiểm toán. 3.2. Chuẩn mực kiểm toán 3.3. Đạo đức nghề nghiệp 3.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập		5	3

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
<b>3.5. Khoảng cách giữa yêu cầu xã hội và khả năng đáp ứng của ngành nghề</b>			
<b>Chương 4: Hệ thống kiểm soát nội bộ</b> 4.1. Những vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ 4.2. Trình tự nghiên cứu kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên 4.3. Những vấn đề khác		5	3
<b>Chương 5: Chuẩn bị kiểm toán</b> 5.1. Tiền kế hoạch 5.2. Tìm hiểu về khách hàng 5.3. Xác lập mức trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán 5.4. Xây dựng kế hoạch và chương trình kiểm toán		5	3
<b>Chương 6: Bằng chứng kiểm toán</b> 6.1. Bằng chứng kiểm toán 6.2. Phương pháp lựa chọn các phần tử thử nghiệm 6.3. Hồ sơ kiểm toán		5	3
<b>Chương 7: Báo cáo kiểm toán</b> 7.1. Khái niệm và vai trò của báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính 7.2. Các yếu tố cơ bản của báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính 7.3. Các loại báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính 7.4. Các sự kiện sau ngày báo cáo kiểm toán		5	3
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

**10. Phần tài liệu tham khảo:**

Trần Long (2005), *Giáo trình kiểm toán*, Nxb. Hà Nội.

**11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Thanh toán quốc tế
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (10 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.

### 8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sv những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sv.
- Nắm được cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương.
- Nắm được nội dung các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán, các chứng từ thương mại chủ yếu dùng trong thanh toán quốc tế và vận dụng chúng trong thực tế.
- Hoàn tất môn học Thanh toán quốc tế sv có thể thực hiện nghiệp vụ mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái quốc tế, có thể đảm nhiệm khâu thanh toán quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và các phòng thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại.

### 9. Nội dung học phần:

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối</b> 1.1. Khái niệm và vai trò của thanh toán quốc tế 1.2. Tỷ giá hối đoái 1.3. Thị trường ngoại hối	3	3	
<b>Chương 2: Các phương tiện thanh toán quốc tế</b> 2.1. Khái niệm 2.2. Hối phiếu thương mại 2.3. Lệnh phiếu: 2.4. Séc trong thanh toán quốc tế 2.5. Thẻ thanh toán	6	5	1
<b>Chương 3: Các chứng từ trong thanh toán quốc tế</b> 3.1. Chứng từ vận tải 3.2. Chứng từ hàng hóa 3.3. Chứng từ bảo hiểm	6	3	3
<b>Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế đơn giản</b> 4.1. Nghiệp vụ chuyên tiền (Remittance) 4.2. Phương thức thanh toán ứng trước tiền hàng	8	5	3

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
4.3. Phương thức thanh toán ghi sổ (Open account) 4.4. Phương thức thanh toán CAD (Cash Against Documents)			
<b>Chương 5: Phương thức thanh toán nhờ thu (Collection of payment)</b> 5.1. Giới thiệu qui chế thanh toán nhờ thu URC 522 5.2. Định nghĩa nhờ thu 5.3. Các bên tham gia thanh toán 5.4. Nội dung chỉ thị nhờ thu 5.5. Các hình thức nhờ thu và quy trình thanh toán	10	7	3
<b>Chương 6: Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (Documentary credit)</b> 6.1. Giới thiệu nội dung UCP 500 6.2. Định nghĩa phương thức thanh toán tín dụng chứng từ 6.3. Thư tín dụng 6.4. Thành phần tham gia quá trình thanh toán 6.5. Quyền hạn và trách nhiệm của các bên tham gia thanh toán 6.6. Quy trình nghiệp vụ thanh toán	12	7	5
<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>30</b>	<b>15</b>

#### **10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Văn Tiến (2013), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Nxb. Thống kê.
2. Lê Văn Tề, *Thanh toán quốc tế trong ngoại thương*, Nxb. Lao động – xã hội.
3. Nguyễn Đăng Dờn (2009), *Thanh toán quốc tế*, Nxb. Đại học quốc gia TP.HCM.
4. Trầm Thị Xuân Hương (2010), *Thanh toán quốc tế*, Nxb. Thống kê.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** Quản trị nhân lực
- Số tín chỉ:** 3
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- Phân bổ thời gian:** lý thuyết (30 tiết); thực hành (15 tiết)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- Mô tả học phần:**

Học phần giới thiệu cho sv những kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực, Phân tích công việc, Hoạch định nhân lực, Tuyển mộ nhân lực, Tuyển chọn nhân lực, Hộ nhập, đào tạo và phát triển nhân lực, Đánh giá nhân viên, Lương bổng và đãi ngộ.

**8. Mục tiêu học phần:**

Môn học nhằm giúp sinh viên có các kiến thức về quản trị nhân lực. Sau khi học môn này, sv sẽ hiểu rõ vai trò then chốt của nhân lực và quản trị nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp

**9. Nội dung học phần:**

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thảo luận /bài tập
<b>Chương 1: Tổng quan về quản trị nhân lực</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Vai trò của yếu tố con người, khái niệm, mục tiêu và các cách tiếp cận về quản trị nhân lực trong một tổ chức</li><li>Các chức năng và các hđộng ch yếu trong q trị nhân lực</li><li>Vai trò, nhiệm vụ và các kỹ năng cần có của những người làm công tác nhân sự</li><li>Xu hướng mới trong quản trị nhân lực</li><li>Môi trường quản trị nhân lực</li></ul>	2	2	
<b>Chương 2: Phân tích công việc</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Tìm hiểu hoạt động phân tích công việc: khái niệm phân tích công việc, sử dụng thông tin để phân tích công việc và các bước trong phân tích công việc.</li><li>Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc</li><li>Viết bản mô tả công việc</li><li>Viết bản tiêu chuẩn công việc</li></ul>	6	4	2
<b>Chương 3: Hoạch định nhân lực</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Chiến lược nhân lực và mục tiêu kdoanh của dnghiep</li><li>Các bước hoạch định nhân lực</li><li>Các phương pháp dự báo nhu cầu về nhân lực</li><li>Phân tích hiện trạng và dự báo nguồn cung về nhân lực trong thời gian tới.</li><li>Các xu hướng điều chỉnh nhân lực</li></ul>	6	4	2
<b>Chương 4: Tuyển mộ nhân lực</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Các nguồn tuyển mộ của doanh nghiệp</li><li>Tiến trình tuyển mộ</li><li>Phương pháp tuyển mộ.</li></ul>	4	2	2
<b>Chương 5: Tuyển chọn nhân lực</b>	7	5	2

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thảo luận /bài tập</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tầm quan trọng của tuyển chọn ứng viên</li> <li>- Tiêu chuẩn tuyển chọn ứng viên</li> <li>- Các bước tuyển chọn nhân viên</li> <li>- Một số kỹ thuật ph vấn đề nâng cao hiệu quả tuyển chọn.</li> </ul>			
<b>Chương 6: Hội nhập, đào tạo và phát triển nhân lực</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu quá trình hội nhập tại doanh nghiệp</li> <li>- Khái niệm về đào tạo và phát triển nhân lực</li> <li>- Phân tích nhu cầu và xác định mục tiêu đào tạo</li> <li>- Xác định nội dung và phương pháp đào tạo</li> <li>- Đánh giá hiệu quả đào tạo</li> <li>- Lập kế hoạch và quản lý sự nghiệp của nhân viên</li> </ul>	8	5	3
<b>Chương 7: Đánh giá nhân viên</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mục tiêu cơ bản của đánh giá nhân viên.</li> <li>- Các phương pháp đánh giá nhân viên</li> <li>- Đánh giá thực hiện công việc bằng p pháp định lượng</li> <li>- Những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình đánh giá</li> <li>- Đánh giá kết quả công việc và đánh giá năng lực</li> <li>- Các sai lầm thường gặp khi đánh giá nhân viên</li> </ul>	6	4	2
<b>Chương 8: Lương bổng và đãi ngộ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số khiếm cơ bản trong hệ thống trả công lao động</li> <li>- Mục tiêu và các nguyên tắc trả công lao động</li> <li>- Định giá công việc - cơ sở để xđụng hthống thang bảng lương</li> <li>- Các hình thức trả công: theo thời gian, theo kết quả công việc, theo nhân viên</li> <li>- Các hình thức động viên người lao động</li> </ul>	6	4	2
<b>Tổng</b>	45	30	15

#### **10. Phần tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hữu Thân (2008), *Quản trị nhân sự*, Nxb. Lao động xã hội.
2. Bùi Văn Danh (2011), *Quản trị học – Bài tập, nghiên cứu tình huống*, Nxb. Lao động.

#### **11. Phương pháp đánh giá học phần:**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Công chứng, chứng thực và giao dịch bảo đảm
- 2. Số tín chỉ:** 2
- 3. Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- 4. Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- 5. Phân bổ thời gian:** lý thuyết (25 tiết); thực hành (5 tiết)
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- 7. Mô tả học phần:**

Cung cấp các kiến thức cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan

### **8. Mục tiêu học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan

### **9. Nội dung học phần**

Chương 1: Khái niệm về công chứng và các thủ tục công chứng

Chương 2: Chứng thực

Chương 3: Giao dịch đảm bảo và các nguyên tắc trong giao dịch

### **10. Tài liệu tham khảo**

- Lê Thị Hải Châu (2010), *Tập bài giảng Pháp luật về công chứng*, Nxb. Trường Đại học Luật TP.HCM.

**Ghi chú:** Các văn bản quy phạm pháp luật được công bố rộng rãi trên internet, sinh viên có thể tìm kiếm trên <https://www.google.com.vn>.

### **11. Phương pháp đánh giá học phần**

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm) \
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức: tự luận)

---

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

- 1. Tên học phần:** Thực tập tốt nghiệp
- 2. Số tín chỉ:** 4
- 3. Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- 4. Ngành đào tạo:** Luật kinh tế
- 5. Phân bổ thời gian:** thực tập (60 tiết)
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kinh tế - Luật
- 7. Mô tả học phần:**

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối giáo dục chuyên nghiệp của ngành Luật Kinh tế. Học phần có vai trò trọng yếu trong việc tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên tiếp cận với hoạt động thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. Sinh viên có dịp thể hiện mình như một cán bộ hoạt động trên lĩnh vực Kinh tế, Luật.

**8. Mục tiêu học phần:**

- Lý thuyết: Củng cố tất cả những lý thuyết đã được học trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Đó là những nhận thức về lý luận chính trị, xã hội, đó là những lý thuyết thuộc kiến thức chuyên nghiệp
- Thực hành: Vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thành hoạt động thực tập tại một cơ quan Luật, Tổ chức Kinh tế – Xã hội cụ thể. Tham gia giải quyết những hoạt động có liên quan đến nghiệp vụ Luật.

**9. Nội dung học phần:**

Trong thời gian 2 tháng, sinh viên được phân chia thành từng nhóm (mỗi nhóm không quá 5 người) về tại một cơ quan Luật, Doanh nghiệp, Kinh tế – Xã hội để thực tập tốt nghiệp. Ở đó, từng người đảm nhận những nhiệm vụ cụ thể dưới sự hướng dẫn của các cán bộ tại cơ quan. Mỗi sinh viên trong đợt thực tập tốt nghiệp không những học tập, tích lũy kiến thức thực tế, trao đổi kinh nghiệm học tập mà còn phải tham gia nghiên cứu các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến ngành học.

**10. Phương pháp đánh giá học phần**

Kết thúc học phần thực tập tốt nghiệp, mỗi sv hoàn thành hồ sơ thực tập tốt nghiệp. Hồ sơ gồm có: báo cáo thực tập tốt nghiệp (trình bày công việc đã làm và kết quả, nhận thức của bản thân qua đợt thực tập). Báo cáo có xác nhận của cơ quan thực tập tốt nghiệp. Khoa chủ quản sẽ chấm điểm hồ sơ thực tập theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT

ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong đó:

- Nội dung bài báo cáo: 60%
- Tinh thần thái độ qua đợt thực tập: 40%

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp
2. Số tín chỉ: 6
3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy
4. Ngành đào tạo: Luật kinh tế
5. Phân bổ thời gian: thực tập (90 tiết)
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kinh tế - Luật
7. Mô tả học phần:

**Điều kiện những sv làm khóa văn tốt nghiệp:** Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế dành cho những sv đạt các tiêu chuẩn sau:

- Điểm tổng kết tất cả các học phần phải từ 6,5 trở lên
- Không có học phần nào dưới 5;
- Không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Trong trường hợp số lượng sv đạt 3 tiêu chuẩn trên nhiều thì mỗi khoá cũng chỉ chọn 30% số từ cao xuống thấp để làm khóa luận.

Khoá luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp của ngành Luật Kinh tế. Nó có giá trị như môn thi tốt nghiệp.

Học phần có vai trò quyết định trong việc hoàn tất chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Trong giai đoạn thực hiện học phần này, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên ngành, sv có trách nhiệm vận dụng những kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để tiến hành hoạt động nghiên cứu với một đề tài xác định để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

### 8. Mục tiêu học phần:

Sau khi kết thúc tất cả các học phần trong chương trình, sv phải hoàn thành những công việc sau đây:

- Bằng một đề tài tự chọn, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, luận văn giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực Luật Kinh tế
- Bảo vệ khoá luận đó trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng trường đại học Nam Cần Thơ quyết định

### 9. Nội dung học phần:

- Chuẩn bị đề cương khóa luận tốt nghiệp
- Bảo vệ đề cương khóa luận trước Hội đồng chuyên môn BM
- Thực hiện khóa luận tốt nghiệp
- Nghiên cứu, phân tích tại điểm nghiên cứu, thực tập
- Xử lý số liệu và viết báo cáo
- Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước Hội đồng BV KLTN Khoa

## **10. Phương pháp đánh giá học phần:**

Đánh giá học phần: Điểm của học phần là trung bình cộng của 3 cột điểm sau:

- Đánh giá đề án KLTN của CB hướng dẫn
- Đánh giá đề án KLTN của CB phản biện
- Đánh giá đề án KLTN của HĐ bảo vệ KLTN